

Hải Dương, ngày 6 tháng 8 năm 2024

## THÔNG BÁO

### Về việc thẩm định giá vật tư, hoá chất

Kính gửi: Các công ty, doanh nghiệp thẩm định giá.

Căn cứ kế hoạch, nhiệm vụ trong năm học 2024 – 2025, Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương dự kiến triển khai đấu thầu mua sắm vật tư tiêu hao, hoá chất phục vụ đào tạo thực hành và nghiên cứu khoa học (Tài phụ lục đính kèm).

Đề nghị các công ty, doanh nghiệp thẩm định giá quan tâm gửi báo giá thẩm định giá vật tư tiêu hao, hoá chất và các hồ sơ liên quan đến Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương (địa chỉ: Phòng Cơ sở hạ tầng và Trang thiết bị, Số 1, Vũ Hựu, Phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương) trước ngày 16/8/2024.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT, CSHT&TTB.



**Phạm Thị Cẩm Hưng**



PHỤ LỤC DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Thông báo số 46 /TB-ĐHKTYTHD ngày 6 tháng 8 năm 2024 của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương)

TT	Tên hàng hoá dự kiến	Quy cách	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Acid Ascorbic	100 g/lọ	Phép thử (iodometric): 99.0 - 100.5% Đặc tính (phổ IR) : phù hợp Màu sắc: bột kết tinh màu trắng hoặc gần như trắng pH (50 g/l không chứa CO <sub>2</sub> ): 2.1-2.6 Màu sắc: (50 g/l không chứa CO <sub>2</sub> ) : trong suốt (S 3 NTU) và màu không quá đậm so với dung dịch chuẩn BY7 Quy cách: 100g/lọ	Lọ	1	
2	Acid Periodic	25g/lọ	Phép thử (iodometric): 99.0 - 101.0 % Chất không hòa tan: ≤0.01 % Chloride, Chlorate, Bromide, Bromate (dưới dạng Cl): ≤0.01 % Iodide (I): ≤0.001 % Nitrate (NO <sub>3</sub> ): ≤0.001 % Sulfate (SO <sub>4</sub> ): ≤0.01 % Kim loại nặng (dưới dạng Pb): ≤0.005 % Fe (Iron): ≤0.0005 % Cặn khi đốt: ≤0.01 % Quy cách: 25g/lọ	Lọ	5	
3	Agar power	Túi 500gr	Màu sắc: vàng, không mùi. Nhiệt độ tan chảy: 90 độ C, nhiệt độ tạo gel: 40 độ C. PH: 6,5 Quy cách: Túi 500gr	Túi	2	
4	Aldehyt	500 mL/ Chai (C>98%)	Phép thử (GC, diện tích%): ≥ 99.0 %(a/a) Mật độ (d 5°C/4°C): 0.798 - 0.801 Quy cách: 500ml/ chai	Chai	1	

5	Amikacin	Hộp (5x50 khoan)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoan giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ</li> <li>- Khoanh giấy được tẩm Amikacin có nồng độ 30µg</li> <li>- Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm ≤ 2%</li> <li>- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul> <p>Quy cách: 5x50 khoan/ hộp</p>	Hộp	1	
6	Amoxylin Clavulanic Acid	Hộp (5x50 khoan)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoan giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ</li> <li>- Khoanh giấy được tẩm Amoxylin/Clavulanic acid có nồng độ 20/10 µg</li> <li>- Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm ≤ 2%</li> <li>- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul> <p>Quy cách: 5x50 khoan/ hộp</p>	Hộp	1	
7	Áo cột sống	Hộp 01 chiếc	Vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Khóa Velcro, nếp hợp kim nhôm	Chiếc	5	
8	Áo choàng vô khuẩn	1 chiếc/ túi	Loại: Áo choàng màu xanh/ xanh cô vít... Chất liệu: Cotton (hấp được).	Chiếc	10	
9	Api 20 staph	25 Thanh + 25 Ống hoá chất	Thanh định danh các loài vi khuẩn thuộc giống Staphylococcus, Micrococcus và Kocuria, gồm 20 giếng chứa các hóa chất đông khô và 6ml môi trường API Staph. Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	1	
10	Api 20 strep	25 Thanh + 25 Ống hoá chất	Quy cách: (25 thanh + 25 ống hóa chất)/ hộp	Thanh định danh liên cầu và cầu khuẩn đường ruột, gồm 20 giếng chứa hóa chất đông khô và 2ml môi trường API GP. Đạt tiêu chuẩn ISO.	Hộp	1
11	Api 20NH	10 Thanh + 10 Ống hoá chất	Quy cách: (25 thanh + 25 ống hóa chất)/ hộp	Thanh định danh Neisseria, Haemophilus gồm 10 giếng nhỏ chứa các hóa chất đông khô và 2ml môi trường NaCl 0.85%.	Hộp	1

12	APTT (không mua R2)	2ml x 10	Sử dụng để xác định thời gian đông APTT Thành phần: chứa phosphatides đậu nành tinh khiết. 1.0 x 10-4 M acid ellagic và dung môi, chất ổn định và chất bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: (10 lọ x 2ml)/ hộp	Hộp	2
13	Ăm kế đo độ ẩm	Hộp 01 chiếc	Khoảng đo: -20-40°C (nhiệt độ), 10-90% (độ ẩm) Độ chính xác nhiệt độ: ± 1°C Độ chính xác độ ẩm: ± 2°C	Chiếc	1
14	Bacitracin	Hộp 5 thanh	- Khoanh giấy Bacitracin được sử dụng để phân biệt liên cầu khuẩn Lancefield nhóm A với các liên cầu tan huyết β khác. - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy vô khuẩn chứa 0.04 units bacitracin. - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 Quy cách: 5 thanh /hộp	Hộp	2
15	Bàn chải mềm đánh tay ngoại khoa	12 Chiếc/Hộp	Thân bàn chải được sản xuất từ nhựa cứng, đầu lông bàn chải mềm để dàng làm sạch các kẽ tay cho kỹ thuật viên trước khi phẫu thuật	Chiếc	12
16	Bát kền nhỏ kích thước miệng bát 8cm	Túi 01 chiếc	Chất liệu inox, đường kính phi 8	Chiếc	20
17	Băng cao su ( Esmarch)-garo cầm máu KT 4 x 100cm	túi 50 cuộn	Chất liệu cao su	Cuộn	50

18	Băng cuộn gạc ( 10cm x 5mét x 10 cuộn)	10 cuộn/ gói	<p>Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. Hai đầu cuộn băng băng, không lệch, không xơ. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước = &lt; 5 giây. Độ ngấm nước <math>\geq 5</math>gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước &lt; 0.5%. Độ pH: trung tính. Độ trắng: <math>\geq 80\% \pm 10\%</math>. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp băng PE, một lớp băng giấy.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận đăng ký FDA Hoa Kỳ; CE, GMP, QCVN 01:2017/BCT.</p> <p>Quy cách: 10 cuộn/ gói</p>	Gói	50	
19	Băng dính vải	Hộp 01 cuộn; 12 hộp/ hộp to; 600 cuộn/ kiện	<p>Băng vải lụa đan dệt taffeta, màu trắng, số sợi 44x18/cm<sup>2</sup>. Bờ răng cưa hai bên giúp xé dễ dàng, không cần dùng kéo. Keo: Oxyd kẽm không dùng dung môi. Kích thước đúng 2,5cm x 5m. Đạt tiêu chuẩn EN ISO13485</p>	Cuộn	220	
20	Băng đeo mắt cho trẻ sơ sinh màu đen khi chiếu đèn	Túi/chiếc	<p>Dùng để che mắt cho trẻ khi điều trị bằng đèn chiếu vàng da. Kết cấu 3 lớp có độ co giãn nhẹ: 2 lớp vải cotton và 1 lớp đệm. 2 lớp vải cotton phía ngoài màu đen có tác dụng cản tia sáng xanh đi vào võng mạc bệnh nhân, lớp đệm ở giữa sử dụng chất liệu memory foam, mang lại cảm giác êm ái, mềm dịu cho mắt bé.</p>	Chiếc	4	
21	Băng thun	1 cuộn/ gói	<p>Sản phẩm được làm từ sợi cotton se tròn hoặc polyester kết hợp với sợi cao su tự nhiên. Sợi mảnh, mềm, đàn hồi tốt. Dùng để cố định các khớp xương, bong gân....</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Độ bền kéo theo chiều dài cuộn: <math>\geq 400</math> N</li> <li>• Độ đàn hồi tại thời điểm lực lớn nhất: <math>\geq 400\%</math></li> <li>• Băng màu trắng đến trắng ngà, không lẫn các sợi khác và các tạp chất cứng, vải mềm mịn, có độ đàn hồi cao. Băng thoáng mát, dễ chịu.</li> <li>• Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng.</li> <li>• Có móc cài bằng nhôm hoặc thép không gỉ để cố định băng.</li> </ul> <p>- Quy cách: 10cm x 4.5m</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận đăng ký FDA Hoa Kỳ; CE</p>	Cuộn	30	

22	Băng thun y tế	1 cuộn/ gói	<p>Sản phẩm được làm từ sợi cotton se tròn hoặc polyester kết hợp với sợi cao su tự nhiên. Sợi mảnh, mềm, đàn hồi tốt. Dùng để cố định các khớp xương, bong gân....</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Độ bền kéo theo chiều dài cuộn: <math>\geq 400</math> N</li> <li>• Độ đàn dài tại thời điểm lực lớn nhất: <math>\geq 400\%</math></li> <li>• Băng màu trắng đến trắng ngà, không lẫn các sợi khác và các tạp chất cứng, vải mềm mịn, có độ đàn hồi cao. Băng thoáng mát, dễ chịu.</li> <li>• Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng.</li> <li>• Có móc cài bằng nhôm hoặc thép không gỉ để cố định băng.</li> </ul> <p>- Quy cách: 7.5cm x 4m</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận đăng ký FDA Hoa Kỳ; CE</p>	Cuộn	40	
23	Betadine 10%	Lọ 100ml	<p>Sử dụng trực tiếp không pha loãng, sát khuẩn da trong y tế (không dùng cho niêm mạc vết thương hở, diệt khuẩn sau một phút tiết xúc, tác dụng diệt 99,9% vi khuẩn S.Aureus, P.aeruginosa, S.flexneri, C.albicans, M.tuberculosis, Bacillus subtilis. thành phần, hàm lượng của hoạt chất: 10%w/v povidone iodine tương đương với 1% w/v iodine tự do</p> <p>Quy cách: 100 ml/ lọ</p>	Lọ	5	
24	Bile esculine agar	500g/hộp	<p>Tryptone 17.000  HM peptone B # 5.000  Proteose peptone 3.000  Bile ## 10.000  Esculin 1.000  Ferric ammonium citrate 0.500  Sodium chloride 5.000  Sodium azide 0.150  Agar 15.000</p> <p>Quy cách: 500 g/ hộp</p>	Hộp	1	
25	Bình oxy 7 lít		<p>Vỏ bình: sơn màu xanh, chất liệu thép.  Đồng hồ oxy bao gồm: Đồng hồ đo lượng oxy trong bình, cột đo lưu lượng khí Oxy ra, bình tạo ẩm khí Oxy.</p>	Bộ	5	

26	Blood agar base	500g/hộp	Môi trường đa năng không chọn lọc được dùng để tăng sinh các vi khuẩn gây bệnh và không gây bệnh. Có thể bổ sung máu hoặc huyết thanh. Môi trường dạng bột, màu rom Thành phần (g/l): 'Lab-lemco' powder 10.0, Peptone Neutralised 10.0, Sodium chloride 5.0, agar 15.0 pH: 7.3 ± 0.2 Bảo quản: 10-30°C - Đắp úng tiêu chuẩn ISO 13485 Quy cách: 500 g/ hộp	Hộp	3	
27	Bóng ambul cỡ 1500 ml	Hộp 01 bộ	Dùng để hồi sức bệnh nhân bị ngưng thở. Sử dụng một lần để loại bỏ khả năng nhiễm khuẩn chéo. Được sản xuất từ nhựa PVC, bao gồm: Mask gây mê, bóp bóng, dây nối oxy, túi trữ oxy, bệ mặt kết cấu của sản phẩm đảm bảo tiêu chuẩn và cung cấp thông gió hiệu quả. Kích cỡ: 1500ml ± 200ml	Bộ	4	
28	Bóng ambul cỡ 500 ml	Hộp 01 bộ	Dùng để hồi sức bệnh nhân bị ngưng thở. Sử dụng một lần để loại bỏ khả năng nhiễm khuẩn chéo. Được sản xuất từ nhựa PVC, bao gồm: Mask gây mê, bóp bóng, dây nối oxy, túi trữ oxy, bệ mặt kết cấu của sản phẩm đảm bảo tiêu chuẩn và cung cấp thông gió hiệu quả. Kích cỡ: 550ml ± 200ml	Bộ	4	
29	Bóng ambul cỡ 250 ml	Hộp 01 bộ	Dùng để hồi sức bệnh nhân bị ngưng thở. Sử dụng một lần để loại bỏ khả năng nhiễm khuẩn chéo. Được sản xuất từ nhựa PVC, bao gồm: Mask gây mê, bóp bóng, dây nối oxy, túi trữ oxy, bệ mặt kết cấu của sản phẩm đảm bảo tiêu chuẩn và cung cấp thông gió hiệu quả. Kích cỡ: 280ml ± 100ml	Bộ	4	
30	Bóng đèn nội khí quản	Hộp 10 bóng	Bóng đèn nội khí quản Led 2,7V Quy cách: 10 bóng/hộp	Hộp	2	
31	Bộ âm thoa để khám hệ thần kinh		Bộ âm thoa 6 món. Chất liệu: Hợp kim nhôm Chiều dài: khoảng 20,5cm / 8,1in Tần số: 256Hz.	Bộ	10	



32	Bộ dây truyền dịch	Túi 01 bộ	<p>- Dây dẫn: Dài 1500mm, được làm từ nhựa nguyên sinh PVC trắng silicon có độ đàn hồi cao. Chứng nhận đạt không có chất gây tan huyết. Có công tiêm thuốc chữ Y. Đầu nối kim thiết kế khóa vặn để khóa chặt kim (Luer lock). Van thoát khí (van lọc khí): có thiết kế màng lọc khuẩn 0.2µm vô khuẩn. Bầu đếm giọt dung tích ≥ 8.5ml ml. Đường kính ngoài 14.2mm - 14.5mm. Dài 45mm, có thành dày đều: 0.9mm. Có màng lọc dịch 15µm.</p> <p>- Kim 2 cánh bướm: 23G và các cỡ khác theo yêu cầu.</p> <p>- Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)</p> <p>Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485; TCVN; CE;</p>	Bộ	400
33	Bộ dụng cụ đo tâm vận động khớp		<p>- Chất liệu : Nhôm</p> <p>Bộ thước gồm 5 loại:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Loại thước tròn 2 nhánh lớn: dài 30cm, đường kính vòng tròn 12,5 cm dùng đo : khớp vai, khớp khuỷu tay, khớp hông, khớp gối.</li> <li>2. Loại thước tròn 2 nhánh nhỏ: dài 21cm, đường kính vòng tròn 9cm dùng đo : khớp cổ tay, khớp cổ chân</li> <li>3. Loại thước bán nguyệt 2 nhánh: dài 17cm, bán kính 3,5cm dùng đo: khớp cổ tay, khớp bàn đốt, khớp liên đốt ngón tay và ngón chân</li> <li>4. Loại thước bán nguyệt 1 nhánh: dài 10,5cm, bán kính 5cm dùng đo các khớp nhỏ: khớp bàn đốt, liên đốt ngón tay, ngón chân</li> <li>5. Loại thước 3 nhánh gấp khúc: dài 42,5cm, mỗi nhánh dài khoảng 16cm, dùng đo các khớp của cột sống.</li> </ol>	Bộ	5
34	Bộ dụng cụ tập thở phế dung kế	Hộp 01 chiếc	<p>Được sử dụng trong các bài tập hô hấp để duy trì và cải thiện sự tập hít thở.</p> <p>Chất liệu: Polypropylene, Polyethylene, Acrylonitrile- Styrene.</p> <p>Sản phẩm không chứa latex (cao su tự nhiên). Được sử dụng để tập hít thở cho người lớn (5000ml).</p>	Chiếc	2
35	Bộ dụng cụ tập thở phế dung kế khuyến khích	Hộp 01 chiếc	<p>Được sử dụng trong các bài tập hô hấp để duy trì và cải thiện sự tập hít thở.</p> <p>Chất liệu: Polypropylene, Polyethylene, Polystyrene. Sản phẩm không chứa latex (cao su tự nhiên). Phạm vi tốc độ lưu lượng dòng 600cc/s, 900cc/s và 1200cc/s</p>	Chiếc	2

36	Bộ điều chỉnh áp suất oxy y tế	Hộp 01 bộ	<p>Áp lực đầu vào: 15 Mpa  Áp lực đầu ra: 0,2-0 0,3 Mpa  Van an toàn: 0,35 ± 0,05 Mpa  Lưu lượng : 1-10 L / min, 1-15L / phút</p>	Bộ	5	
37	Bộ thuốc nhuộm Ziehl	250ml x3/bộ	<p>Bộ nhuộm dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbo Fuchsin chai 250ml, Alcohol acid (Hydrochloric acid in ethanol) chai 250ml và Metylen Blue chai 250ml.</p> <p>- Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm  - Quy cách: Bộ 3 chai x 250ml có vòi bơm tiện dụng</p>	Bộ	3	
38	Bông mỡ	1kg/ túi	<p>- Bông không hút nước được hình thành từ tập hợp các sợi trong quả bông, không loại mỡ, xốp. (chưa tệt trùng) - nguyên liệu 100% sợi Bông xơ tự nhiên.</p> <p>- Sợi mảnh, mềm, trơn, được chải kỹ, có độ đàn hồi cao và không còn quá nhiều nút, Không mùi, bông chưa tẩy trắng, có màu hơi ngà vàng bóng.</p> <p>- Bề mặt được xử lý bằng tia nước áp lực cao giúp bề mặt mịn, không xơ thừa. Có dạng dài được quấn thành khối hình trụ</p> <p>Quy cách: 1kg/ túi</p>	Túi	10	
39	Bông y tế	1kg/ túi	<p>Bông y tế thấm nước 100% bông xơ thiên nhiên. Bông trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị toï và có độ thấm hút rất cao. Bông dạng dài, được cuộn thành cuộn chác, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng. Không độc tố và không gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước =&lt; 5 giây. Độ acid và độ kiềm: Trung tính; Hàm lượng chất béo: Không vượt quá 0.5%. Các chất tan trong nước: ≤ 0,5%; Độ ẩm: ≤ 8%;</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận đăng ký FDA Hoa Kỳ; CE, GMP, QCVN 01:2017/BCT.</p> <p>Quy cách: 1kg/ túi</p>	Túi	23	

40	Bông y tế cắt miếng 3cm x 3cm 100g	100g	Sản phẩm được sản xuất từ 100% bông xơ thiên nhiên, có độ thấm hút cao. Bông được cắt thành miếng nhỏ kích thước 3cm x 3cm đồng đều về kích thước và trọng lượng. Tốc độ hút nước: Thời gian chìm ≤ 5 giây. Độ ẩm: ≤ 8%; Độ acid và độ kiềm: Trung tính; Hàm lượng chất béo: Không vượt quá 0.5%. Được đóng kín trong bao PE in đầy đủ thông tin về sản phẩm. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận đăng ký FDA Hoa Kỳ; CE, GMP; QCVN 01:2017/BCT Quy cách: Gói 100g	Gói	5
41	Bột chỉ thị màu clo dư (HI 93701-01)	100 gói/1 hộp	Thang đo: 0 đến 5 mg/L Cl2 Bước sóng: @ 525 nm Phương pháp đo: EPA DPD 330.5 Quy cách: 100 gói/ hộp	Hộp	3
42	Bơm 50 ml cho ăn qua sonde	25 chiếc/hộp	Nhựa nguyên sinh, không chứa DEHP, không chứa chất gây sốt. Đốc to lắp vừa dây cho ăn. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy chống sử dụng lại. Tiết trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O), Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485; TCVN; CE; Quy cách: 25 chiếc/ hộp	Hộp	3
43	Bơm tiêm 20ml	50 chiếc/hộp	Nhựa y tế nguyên sinh. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiết trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Cỡ kim 23G x 1". Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485; TCVN; CE; Quy cách: 50 chiếc/ hộp	Hộp	3
44	Bơm tiêm 50ml ( bơm tiêm điện)	25 chiếc/hộp	Nhựa y tế nguyên sinh. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy. Đốc nhỏ lắp vừa kim tiêm các số. Kim 23G. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiết trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485; TCVN; CE; Quy cách: 25 chiếc/ hộp	Hộp	4

45	Bơm tiêm 1ml	100 chiếc/hộp	Nhựa y tế nguyên sinh. Giọng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Cỡ kim 26G x 1/2" và 25G x 1", 25G x 5/8". Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485; TCVN; CE; Quy cách: 100 chiếc/ hộp	Hộp	7	
46	Bơm tiêm 5ml	100 chiếc/hộp	Đầu côn hoặc đầu xoắn, sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. Vạch chia dung tích tối đa 6ml, rõ nét. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Cỡ kim 23G x 1" và 25G x 1", 25G x 5/8". Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485; TCVN; CE; Quy cách: 100 chiếc/ hộp	Hộp	45	
47	Brain heart infusion	500g/hộp	Màu sắc : nâu Độ trong: trong Giá trị PH (25 °C): 7.2 - 7.6 Quy cách: 500 g/ hộp	Hộp	2	
48	Búa phản xạ		Bộ búa thử phản xạ gồm 5 chi tiết, kích thước từ 20-22cm. Chất liệu tay cầm thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Bộ	5	
49	Bút đèn pin khám mắt		Tay cầm được trang bị kẹp bỏ túi và công tắc bật/tắt. Đèn LED có CRI > 95 và Nhiệt độ màu 4000 Kelvin Công suất ánh sáng 50K LUX.	Chiếc	10	

50	Bút soi tai mũi họng		<p>Cấu nôm cung cấp:</p> <p>Đầu đèn soi tai: 01 cái  Đầu đèn soi mắt: 01 cái  Cán pin: 01 cái  Loa soi tai: 05 cái  Van mở mũi: 01 cái  Gọng dẫn quang cong: 01 cái  Gương soi thanh quản số 3 và 4: 01 bộ  Bộ phân kẹp giữ đèn lưới: 01 cái  Đèn lưới: 01 cái  Bóng thay thế: 01 cái  Hộp đựng: 01 cái  Thông số kỹ thuật:  - Đầu đèn khám tai:  Cấu trúc kim loại cho độ bền cao  Nắp kính xem chống trầy xước đường kính lớn với độ phóng đại 3X  Có thể sử dụng dễ dàng với loa soi tai dùng một lần hoặc tái sử dụng, và van mở mũi  Công bơm có định để kiểm tra tính di động của màng nhĩ  Bộ loa thăm khám tai bằng thép không gỉ, kích thước 2.5, 3.5, 4.5, 5.5 và 9.5mm  Dùng với bóng đèn 2.5V  - Đầu đèn khám mắt:  Ánh sáng rực rỡ cho màu mô thật và độ chiếu sáng nhất quán  24 thấu kính được mã hóa màu cho độ phân giải tuyệt vời (Xanh lục cho + Đỏ cho -)  Calcium Hydroxide sát trùng dùng trong điều trị nội nha. Dùng che tủy trực tiếp, gián tiếp hoặc tạo lớp cách nhiệt đối với xoang sâu ngà sâu  Quy cách: 10 g/ hộp</p>	Chiếc	2	
51	Calcium hydroxide	10g/Hộp		Hộp	1	

52	Cáng khiêng bằng vải, có thể gấp lại được	chiếc/túi	Vải màu cam; Gập đôi được. Có chân chống -Kích thước (L×W×H): 186×51×17cm -Kích thước gấp vào (L×W×H): 112×51×10cm -Trọng lượng: 6Kg -Trọng tải: 160 kg - Dây an toàn: đã bao gồm 2 cái	Chiếc	4	
53	Cây thông nòng ống nội khí quản	IC 642200006 IC 642200010 IC 642200014	THanh dẫn đường đặt nội khí quản (stylet), bằng nhôm bọc PVC, để dàng thích ứng với hình dạng khác nhau của đường thở Kích cỡ: 6Fr/10Fr/14Fr. + Chiều dài ống ngoài các cỡ: 305-388mm + Đường kính ngoài các cỡ : 1.9- 4.7mm + Đường kính trong các cỡ: 1.2 -3.3mm, + Chiều dài ống nhôm các cỡ: 300 -383mm + Đường kính ống nhôm các cỡ 1.1 - 3.2mm	Chiếc	10	
54	Cefoxitin	Hộp (5x50 khoanh)	- Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Cefoxitin có nồng độ 30 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm ≤ 2% - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 Quy cách: (5x50 khoanh)/Hộp	Hộp	1	
55	Ceftriaxon	Hộp (5x50 khoanh)	- Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Ceftriaxone có nồng độ 30 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm ≤ 2% - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 Quy cách: (5x50 khoanh)/Hộp	Hộp	1	

56	Cefuroxim	Hộp (5x50 khoan)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoan giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ</li> <li>- Khoanh giấy được tẩm Cefuroxime có nồng độ 30 µg</li> <li>- Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm ≤ 2%</li> <li>- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485</li> <li>Quy cách: (5x50 khoan)/ Hộp</li> </ul>	Hộp	1	
57	Cement trám GLASIONOMER FX ULTRA 1-1 SET A3	Hộp 15g	<ul style="list-style-type: none"> <li>Là một chất phục hồi thủy tinh ionomer tự kết dính.</li> <li>Thành phần: 15g Powder, 8ml (10g) Liquid. Có các màu A3, A3.5</li> <li>Quy cách: 15g/ hộp</li> </ul>	Hộp	2	
58	Cetrimid agar	500g/hộp (1.05284.0500)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Độ trong: hơi đục đến đục</li> <li>Màu sắc: hơi vàng</li> <li>Mức độ đông đặc (2 giờ, 45°C): lỏng</li> <li>Giá trị pH (25°C): 7,0 - 7,4</li> <li>Quy cách: 500g/ hộp</li> </ul>	Hộp	1	
59	Ciprofloxacin	Hộp (5x50 khoan)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoan giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ</li> <li>- Khoanh giấy được tẩm Ciprofloxacin có nồng độ 5 µg</li> <li>- Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm ≤ 2%</li> <li>- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485</li> <li>Quy cách: (5x50 khoan)/ Hộp</li> </ul>	Hộp	1	
60	Composite	0,25g/nhông (10 nhông/túi)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Composite lỏng quang trùng hợp, sử dụng trám lót, trám bít hố rãnh, trám xoang nhỏ và thành bên các xoang II, xoang V.</li> <li>Quy cách: 0,25g/nhông (10 nhông/túi)</li> </ul>	Túi	3	

61	Congo Red (C32H22N6O6S2Na2)	25g/lọ	<p>Phạm vi chuyển tiếp: pH 3,0 - pH 5,2 tím - đỏ cam</p> <p>Độ hấp thụ tối đa <math>\lambda</math> 1 tối đa (pH đệm 3,0): 564 - 572 nm</p> <p>Độ hấp thụ tối đa <math>\lambda</math> 2 tối đa (pH đệm 5,2): 482 - 488 nm</p> <p>Độ hấp thụ đặc biệt A 1%/1cm (<math>\lambda</math> 1 tối đa; 0,02 g/l; pH đệm 3,0; tính toán trên các chất khô): <math>\geq 150</math></p> <p>Độ hấp thụ đặc biệt A 1%/1cm (<math>\lambda</math> 2 tối đa; 0,02 g/l; pH đệm 5,2; tính toán trên các chất khô): <math>\geq 200</math></p> <p>Độ mất khi sấy (110 °C): <math>\leq 5\%</math></p> <p>Quy cách: 25g/lọ</p>	Lọ	1	
62	Cốc có mỏ 1000ml		<p>Trường ghi nhãn lớn để dễ dàng đánh dấu. Độ dày thành đồng đều &amp; lý tưởng để đun nóng chất lỏng. Khả năng chống lại sự tấn công hóa học cao. Dung tích 1000ml</p>	Chiếc	2	
63	Cốc đong ml		<p>Chất liệu nhựa, trên thành ống có chia vạch 250ml</p>	Chiếc	5	
64	Còn 70 độ	500ml/ chai	<p>Trong suốt, không màu, sử dụng trong y tế</p> <p>Quy cách: 500ml/ chai</p>	Chai	200	
65	Còn 90 độ	500ml/ chai	<p>Trong suốt, không màu, sử dụng trong y tế</p> <p>Quy cách: 500ml/ chai</p>	Chai	225	
66	Còn tuyệt đối	1000ml/ chai	<p>Hàm lượng: <math>\geq 99,7\%</math></p> <p>Tỷ trọng (20°C): 0.789-0.794 g/ml</p> <p>Cặn không tan: <math>\leq 0.001\%</math></p> <p>Hàm lượng nước: <math>\leq 0.25\%</math></p> <p>Quy cách: 1000 ml/ chai</p>	Chai	30	
67	Cột sắc ký lỏng	Cột sắc ký lỏng C18 5 $\mu$ m 250 x 4.6 mm	<p>Cột sắc ký lỏng 5 <math>\mu</math>m 250 x 4.6 mm. Cung cấp khả năng lưu giữ nâng cao cho các hợp chất phân cực, đảm bảo hình dạng đỉnh sắc nét. Cột để phân tích mẫu phức tạp trong được phẩm và thử nghiệm môi trường.</p>	Cây	1	



68	Crystal violet	100g/hộp	Hàm lượng thuốc nhuộm (bằng phương pháp quang phổ; tính toán trên chất khô): $\geq 90,0\%$ Đặc điểm hấp thụ (Tỷ lệ, E ( $\lambda_{max}$ - 15 nm)/E ( $\lambda_{max}$ + 15 nm)): 0,98 - 1,20 Độ hấp thụ tối đa $\lambda_{max}$ . (nước): 589 - 594 nm Đặc điểm hấp thụ A 1%/1cm ( $\lambda_{max}$ ; 0,002 g/l; nước): 2000 - 2450 Xeton Michler: $< 0,10\%$ Độ mất khi sấy (110 °C, 4 h): $\leq 7,5\%$ Quy cách: 100g/ hộp	Hộp	3
69	Cục cắn		Cục cắn nha khoa Chất liệu: Nhựa Latex	Chiếc	10
70	Curvet than chì (Partition tubes (coated)-GTA	Hộp 10 chiếc	Curvet than chì, có phân vùng Quy cách: Hộp 10 chiếc	Hộp	1
71	Chai cấy máu 2 pha	10 chai/hộp	Được dùng để thực hiện xét nghiệm cấy màu tìm tác nhân gây nhiễm khuẩn huyết. Chai cấy mẫu gồm 2 pha: Pha lỏng: dung dịch trong, không cặn, màu vàng. Pha đặc: dạng thạch được dính vào vách ngăn, bề mặt bóng láng không có bọt.	Chai	100
72	Chất lấy máu Alginate	500 g/Gói	Thành phần: Sodium alginate, Calcium sulfate và các loại thành phần khác. Quy cách: 500 g/ gói	Gói	6
73	Chi catguyt số 1	24 Tệp/Hộp	Chất liệu Collagen tinh khiết, có màu nâu, độ tan 90 ngày, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 14-21 ngày, dài 75cm, kim tròn dài 40mm Quy cách: 24 tệp/ hộp	Hộp	3
74	Chloramphenicol	Hộp (5x50 khoan)	- Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoan giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Chloramphenicol có nồng độ 30 $\mu\text{g}$ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm $\leq 2\%$ - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 Quy cách: (5x50 khoan)/ Hộp	Hộp	1

75	Chuẩn Cyclamat	1000 mg	Synonyms: Natri cyclamate Natri N-cyclohexylsulfamate Axit N-cyclohexylsulfamicmuối natri Natri cyclohexanesulfamate Axit cyclamicmuối natri Axit cyclohexanesulfamicmuối natri Công thức: C <sub>6</sub> H <sub>12</sub> NNaO <sub>3</sub> S Quy cách: 1000 mg/lọ	Lọ	1	
76	Dầu parafin	500 ml/ chai	Dạng lỏng, trong suốt, không màu, không mùi, không vị Quy cách: 500 ml/ chai	Chai	5	
77	Dầu soi	500ml/lọ	Chỉ số khúc xạ (n <sub>20/D</sub> ): 1.515 - 1.517. Tỷ trọng (d <sub>20 °C/ 4 °C</sub> ): 1,0245 - 1,0265 Đường truyền (380 nm; 1 cm): ≥ 65 % Đường truyền (400 nm; 1 cm): ≥ 78 % Đường truyền (450 nm; 1 cm): ≥ 90 % Quy cách: 500 ml/ lọ	Lọ	3	
78	Dung dịch Natriclorit 0.9% (tiêm truyền)	Thùng 30 chai 250ml	Thành phần chính, hàm lượng: Natri clorid 0,9g/100ml Quy cách: 250 ml/ chai	Chai	50	
79	Dung dịch Natriclorit 0.9% (tiêm truyền)	Thùng 20 chai 500ml	Thành phần chính, hàm lượng: Natri clorid 0,9g/100ml Quy cách: 500 ml/ chai	Chai	150	
80	Dung dịch Natriclorit 0.9% Rửa vết thương	500 ml/ chai	Vệ sinh giúp làm sạch răng miệng, giúp khử mùi hôi khoang miệng; Rửa và giúp làm sạch bụi bẩn trên mặt da Quy cách: 500 ml/ chai	Chai	105	
81	Dung dịch đỏ Fuchsin (Carbon Fuchsin)	500ml/chai	Dung dịch thành phần của thuốc nhuộm Ziehl Neelsen Quy cách: 500 ml/ chai	Chai	5	
82	Dung dịch Lugol	500ml/chai	Dung dịch thành phần của thuốc nhuộm Gram Quy cách: 500 ml/ chai	Chai	5	
83	Dung dịch pepsin/HCl	250ml/ chai	Dung dịch làm sạch điện cực pH 250ML, thành phần hữu cơ, dung tích 250ml Quy cách: 250 ml/ chai	Chai	1	
84	Dung dịch sát trùng tay nhanh	500ml/chai	Chlorhexidine Digluconate 0,5% (v/v); Ethanol 80% (v/v); Isopropyl alcohol (Isopropanol) 7.2% (v/v) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alpha- Terpineol, Alpha-Bisabolol, Aloe Vera, Vitamin E...) vừa đủ 100% Quy cách: 500 ml/ chai	Chai	105	

85	Dung dịch tím Gential	500ml/chai	Dung dịch thành phần của thuốc nhuộm Gram Quy cách: 500 ml/ chai	Chai	5
86	Dung dịch Xanh Cresyl	100 ml/lọ/ Merck	Lọ 100 ml	Lọ	5
87	Đai bất động gãy xương đòn	Túi/chiếc	Cổ định chấn thương gãy xương đòn, trật khớp cùng đòn, vỡ xương bả vai, trật khớp ức - đòn	Chiếc	5
88	Đai bất động gãy xương sườn	Túi/chiếc	Dùng cố định gãy xương sườn, gãy, rạn xương ức, bầm dập, căng cơ liên sườn...	Chiếc	5
89	Đầu cân trắng 10 µl	1000chiếc/túi	Đầu cân trắng dung tích 10 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác Quy cách: 1000 chiếc/ túi	Túi	3
90	Đầu cân vàng 200 µl	1000chiếc/túi	Đầu cân vàng dung tích 200 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác Quy cách: 1000 chiếc/ túi	Túi	5
91	Đầu cân xanh 1000 µl	500 chiếc/ túi	Đầu cân xanh dung tích 1000 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác. Quy cách: 500 chiếc/ túi	Túi	15
92	Đè lưới		Đè lưới, dài 18.5CM, chất liệu thép không gỉ	Chiếc	5
93	Đèn cadimi		Cadmium - Cd, Đèn HC được mã hóa	Cái	1

			<p>Cấu hình: Đèn khảm: 01 cái Pin: 01 cặp Thông số kỹ thuật: - Bóng đèn 6V - Đường kính gương: 55mm - Băng đeo trán tiện dụng, tạo cảm giác thoải mái khi đeo - Hộp pin được gắn trên băng đeo trán - Băng đeo trán dễ dàng điều chỉnh - Vệ sinh và làm sạch băng đeo dễ dàng với tấm đệm dầu - Gương được tráng bạc tạo ra ánh sáng mạnh - Điều chỉnh giá đỡ đèn trên gương để tập trung ánh sáng - Dễ dàng tháo rời gương</p>				
94	Đèn Clar				Chiếc	2	
95	Đèn chi			Chi - Pb, Đèn HC được mã hóa	Cái	1	
96	Đèn tím UV	UV30A		Công suất: 30W	Chiếc	3	
				Thời gian tối đa: 99 phút 59 giây Thời gian tối thiểu: 1 giây			
97	Đồng hồ bấm giây	Hộp 01 chiếc		Thời gian báo động: Khoảng 30 giây Màn hình: 53 mm Nguồn: 1 pin CR2032	Chiếc	20	
98	EA-50 (Eosin Azua 50)	1000ml		Màu sắc: xanh đến tím đậm Tế bào ưa Cyanophilic (basophilic): xanh lam Tế bào ưa Eosinophilic (acidophilic): hồng Quy cách: 1000 ml/ chai	Chai	1	
99	Eosin Y	1000ml/chai		Nhân: xanh đậm đến tím đậm Tế bào chất: hồng đến đỏ Chất gian bào: hồng đến đỏ Hồng cầu: vàng đến cam Quy cách: 1000 ml/ chai	Chai	1	

100	Ethanol 95	500ml/chai	<p>Độ tinh khiết (GC): <math>\geq 99,9\%</math>          Nhận dạng (IR): tuân thủ          Màu sắc: <math>\leq 10</math> Hazen          Độ axit: <math>\leq 0,0005</math> meq/g          Độ kiềm: <math>\leq 0,0002</math> meq/g          Aceton (GC): <math>\leq 0,01\%</math>          Methanol (GC): <math>\leq 0,05\%</math>          2-Propanol (GC): <math>\leq 0,01\%</math>          Cặn bay hơi: <math>\leq 10</math> mg/l          Nước: <math>\leq 0,01\%</math>          Quy cách: 500 ml/ chai</p>	Chai	1	
101	Ether	1000ml/ chai	<p>Độ tinh khiết (GC): <math>\geq 99,7\%</math>          Nhận dạng (IR): tuân thủ          Ngoại hình: trong suốt          Màu sắc: <math>\leq 10</math> Hazen          Axit có thể chuẩn độ: <math>\leq 0,0002</math> meq/g          Độ kiềm: <math>\leq 0,0002</math> meq/g          Mật độ (d 20 °C/20 °C): 0,713 - 0,715          Điểm sôi: 34 - 35 °C          Quy cách: 1000 ml/ chai</p>	Chai	6	
102	Ether dầu hoá	1000 ml/lọ	<p>Độ axit <math>\leq 0,0003</math> meq/g          Màu sắc <math>\leq 10</math> Hazen          Mật độ (d 20 °C/ 4 °C) 0,642 - 0,655          Phạm vi sôi (40-60°C) <math>\geq 90\%</math> (v/v)          Hợp chất thơm (dưới dạng benzen) <math>\leq 0,02\%</math>          Hợp chất lưu huỳnh (dưới dạng S) <math>\leq 0,005\%</math>          Chất bị đổi màu bởi H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> <math>\leq 10</math> Hazen          Giá trị peroxide (theo Wheeler) <math>\leq 0,8</math>          Quy cách: 1000 ml/ lọ</p>	Lọ	5	

103	Ethylacetate	1000 mL/ Chai (C>98%)	<p>Độ tinh khiết (GC): <math>\geq 99,5\%</math></p> <p>Nhận dạng (IR): tuân thủ</p> <p>Ngoại hình: trong suốt</p> <p>Màu sắc: <math>\leq 10</math> Hazen</p> <p>Axit có thể chuẩn độ: <math>\leq 0,0008</math> meq/g</p> <p>Mật độ (d 20 °C/20 °C): 0,901 - 0,904</p> <p>Điểm sôi: 76 - 78 °C</p> <p>Quy cách: 1000 ml/ chai</p>	Chai	1	
104	Eugenol	30ml/Lọ	<p>Đề gán kết tạm thời kết hợp với Zinc Oxide</p> <p>Quy cách: 30 ml/1ọ</p>	Lọ	2	
105	Gạc y tế	100 mét/ tệp, 1000 mét/ kiện	<p>Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước <math>\leq 5</math> giây. Độ ngậm nước <math>\geq 5</math>gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước <math>&lt; 0,5\%</math>. Độ pH: trung tính. Độ trắng: <math>\geq 80\% \pm 10\%</math>. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận đăng ký FDA Hoa Kỳ; CE, GMP, QCVN 01:2017/BCT.</p>	Mét	1020	
106	Găng tay vô khuẩn	01 đôi x 50 túi x 8 hộp/thùng	<p>+ Sản xuất từ cao su thiên nhiên, mềm mại, có phủ bột chống dính. Được tiệt trùng bằng khí EO, đóng gói từng đôi.</p> <p>+ Chiều dài: 280mm <math>\pm</math> 5 mm</p> <p>+ Chiều rộng: 83mm <math>\pm</math> 5mm (số 6.5) - 89mm <math>\pm</math> 5mm (số 7) - 95mm <math>\pm</math> 5mm (số 7.5)</p> <p>+ Độ dày: 0.13 mm (Ngon tay) - 0.12 mm (Lòng bàn tay) - 0.10 mm (Cổ tay)</p> <p>+ Trước lão hóa: Sức căng cơ: 24 Mpa min – Độ co giãn: 750% min</p> <p>+ Sau lão hóa: Sức căng cơ: 18 Mpa min – Độ co giãn: 560% min</p> <p>+ Hàm lượng bột: 10mg/dm<sup>2</sup></p> <p>+ Hàm lượng protein: 200µg/dm<sup>2</sup></p> <p>Quy cách: 50 đôi/ hộp</p>	Hộp	42	

107	Găng tay y tế	50 đôi x 10 hộp/thùng	Găng khám chất liệu cao su thiên nhiên. Không tiết trùng. Có phủ bột chống dính. Sản xuất từ cao su tự nhiên latex 60% HA, các cỡ: XS, S, M, L. Chiều rộng: 75-85-95 - 105±5mm. Chiều dài: min 240mm. Độ dày cổ tay: min 0.06mm, lòng bàn tay: min 0,08mm, ngón tay: min 0.09mm. Trọng lượng: 5.0-5.5±0.2g. Sức căng cơ: min 18MPa/ min 14MPa. Lực đứt giãn: min 6N/6N. Độ dẫn: min 650%/ min 500%. Lượng bột: max 10mg/dm <sup>2</sup> . Protein: max 200µg/dm <sup>2</sup> Quy cách: 50 đôi/ hộp	Hộp	260
108	Xi măng trám răng	15g/ Hộp	Xi măng glass ionomer hóa trùng hợp có khả năng phóng thích fluoride, ngăn ngừa sâu răng. Độ giãn nở tương tự mô răng thật giúp giảm thiểu áp lực lên vùng biên của miếng trám. Quy cách: 15 g/ hộp	Hộp	2
109	Xi măng trám răng	15g/ Hộp	Vật liệu glass ionomer trám phòng ngừa hóa trùng hợp. Phóng thích flour gấp 6 lần so với các loại sealant khác nên chuyên dùng trám bít hố rãnh, phòng ngừa sâu răng cho trẻ em và người có nguy cơ cao sâu răng. Quy cách: 15 g/ hộp	Hộp	2
110	Gel bôi trơn- mỡ KY	82g/tuýp	Sử dụng trong nội soi tiêu hóa, kỹ thuật soi bàng quang thăm khám bàng tay và bôi trơn để giảm bớt tình trạng khô âm đạo Quy cách: 82 g/ tuýp	Tuýp	20
111	Gel siêu âm	Can 5 lít	Gel sử dụng trong siêu âm, phù hợp với tần số siêu âm đang sử dụng, Không có formaldehyde, không phát hiện vi khuẩn Staphylococcus, Pseudomonas aeruginosa, Tổng số vi sinh vật khi hiều <100 CFU/g, tổng số nấm <10 CFU/g. Không gây mẩn cảm hoặc rát da, gel trong, tan hoàn toàn trong nước, độ PH trong khoảng 6.5-7.5. Quy cách: 5 lít/ can	can	10

112	Gentamycin	Hộp (5x50 khoan)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoan giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ</li> <li>- Khoanh giấy được tẩm Gentamicin có nồng độ 10 µg</li> <li>- Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm ≤ 2%</li> <li>- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>	Hộp	1	
113	Glycoegen	Lọ 1ml	Dạng lỏng, trong suốt, không màu, không mùi. Quy cách: 1 ml/lọ	Lọ	1	
114	Giá nhuộm	chiếc	Giá phơi và nhuộm lam bằng nhôm 10 vị trí	Chiếc	2	
115	Giấy đo pH	20 gói/hộp	Dải chỉ thị pH 0 - 14 Quy cách: 20 gói/ hộp	Hộp	1	
116	Giấy ghi điện tim	Tập	Giấy điện tim 6 cần. Kích thước: 110mm x 140mm	Tập	15	
117	Giấy lọc		Giấy lọc định lượng phi 18	Hộp	5	
118	Giấy lọc băng xanh		Giấy lọc định lượng phi 11	Hộp	5	
119	Giấy siêu âm	Cuộn/túi	Dùng để in kết quả siêu âm dùng trong chẩn đoán y khoa	Cuộn	20	
120	Giấy thấm	Hộp 100 tờ	Đường kính 18cm. Có các mã lọc nhanh, chậm, trung bình. Quy cách: 100 tờ/hộp	Hộp	8	
121	H2O2	1 Lít/Chai	Thử nghiệm (manganometric): ≥ 30,0% Màu sắc: ≤ 10 Hazen Axit tự do (dưới dạng H2SO4): ≤ 30 ppm Quy cách: 1 lít/ chai	Chai	2	
122	H2O2.(30%)	500ml/lọ	Thử nghiệm (manganometric): ≥ 30,0% Màu sắc: ≤ 10 Hazen Axit tự do (dưới dạng H2SO4): ≤ 30 ppm Quy cách: 500 ml/lọ	Lọ	2	



123	HCl	1000 ml/lọ	<p>Thử nghiệm (kiềm) 37,0 - 38,0 %  Màu ≤ 10 Hazen  Bromide (Br) ≤ 50 ppm  Clo tự do (Cl) ≤ 1 ppm  Phosphate (PO<sub>4</sub>) ≤ 0,5 ppm  Sulfate (SO<sub>4</sub>) ≤ 1,0 ppm  Sulfite (SO<sub>3</sub>) ≤ 0,5 ppm  Kim loại nặng (theo Pb) ≤ 1 ppm  Quy cách: 1000 ml/ lọ</p>	Lọ	5	
124	HCL 0,1M	Ống/Hộp	Nồng độ lượng chất: 0,1000 mol/l	Ống	1	
125	Hematoxylin	500ml/chai	<p>Nhân (Phết tế bào âm đạo): xanh lam đến tím đậm  Tế bào chất ái toan: hồng  Quy cách: 500 ml/ chai</p>	Chai	2	
126	Hoá chất tách chiết DNA	50 test/ hộp	<p>Mẫu đầu vào: Mẫu mô động vật, vi khuẩn hoặc tế bào nuôi cấy, huyền dịch (huyền phù), mẫu quết bề mặt, mẫu dịch phết (y tế), virus từ mẫu mô và các mẫu sinh thiết để nghiên.</p> <p>* Phương pháp: cột silica  * Thời gian tách chiết: 30 phút / 10 mẫu  * Thành phần bộ kit: TL Buffer, CL Buffer, WB1 Buffer, WB2 Buffer, EB Buffer, Proteinase K, PBS Buffer, Ethanol, Cột silica, Tube 1.5 mL  Quy cách: 50 test/ hộp</p>	Hộp	1	
127	Hộp đựng bóng còn đúc phi 7,5 X 6 cm		Hộp đựng bóng còn, Ø 75 mm x 60 mm	Hộp	25	
128	Hộp kháng thùng	50 Chiếc/Hộp	<p>Chất liệu: Giấy Duplex kháng thùng  Màu sắc: Màu Vàng Y tế  Kích thước: 150 x 120 x 270mm  Dung tích: 5L</p>	Chiếc	10	

129	Immipenem	Hộp (5x50 khoan)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoan giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ</li> <li>- Khoanh giấy được tẩm Imipenem có nồng độ 10 µg</li> <li>- Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm ≤ 2%</li> <li>- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>	Hộp	1	
130	K <sub>2</sub> HPO <sub>4</sub>	1000 gam/lo	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xét nghiệm (kiềm): ≥ 99,0%</li> <li>Giá trị pH (5%; nước) Clorua (Cl): 8,7 - 9,3</li> <li>Colrua (Cl): ≤ 0,003%</li> <li>Sulfat (SO<sub>4</sub>): ≤ 0,0005%</li> <li>Quy cách: 1000 g/lo</li> </ul>	Lọ	1	
131	Kẽm acetat	250g/ 1 hộp	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xét nghiệm (phức hợp): 99,5 - 101,0%</li> <li>Chất không hòa tan: ≤ 0,005%</li> <li>Giá trị pH (5%; nước): 6,0 - 7,0</li> <li>Quy cách: 250 g/hộp</li> </ul>	Hộp	1	
132	Kéo cắt chỉ kích thước 11,5cm		Kéo phẫu tích thẳng dài 11.5CM	Chiếc	10	
133	Kéo lười		Kéo lười dài 17CM	Chiếc	5	
134	Kẹp phẫu tích có mẫu kích thước 16 cm		Kẹp mô 1x2T dài 16CM	Chiếc	10	
135	Kẹp phẫu tích không mẫu 13 cm		Kẹp phẫu tích không mẫu dài 13CM	Chiếc	15	
136	Kẹp phẫu tích không mẫu 14 cm		Kẹp phẫu tích không mẫu dài 14CM	Chiếc	15	
137	Kẹp phẫu tích không mẫu 16 cm		Kẹp phẫu tích không mẫu dài 16CM	Chiếc	15	
138	Kẹp rón trẻ sơ sinh	50 chiếc/ hộp	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhựa nguyên sinh, không chứa DEHP, không gây độc, không gây kích ứng. Gồm 2 phần nối với nhau bằng các khớp răng, màu trắng trong, cứng, nhẵn.</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)</li> <li>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>	Chiếc	50	

139	Kim chích máu	100 chiếc/hộp	Đầu kim thép không rỉ vát ba đầu sắc nhọn, dùng với bút chích máu, giúp lấy máu không đau. Size: 28G. Tiết trùng bằng tia Gamma Quy cách: 100 chiếc/ hộp	Hộp	20
140	Kim lấy máu gót chân	100 chiếc/hộp	Đầu kim thép không rỉ vát ba đầu sắc nhọn, kim được thiết kế đặc biệt, chỉ dùng được một lần, không cần bút chích máu, giúp lấy máu không đau. Size: 21G. Tiết trùng bằng tia Gamma Quy cách: 100 chiếc/ hộp	Hộp	10
141	Kim lấy thuốc 18 G	100c/hộp	Kim được làm bằng thép không gỉ, sáng bóng, mũi kim cắt vát 3 cạnh, sắc nhọn. Không độc, không gây sốt. Tiết trùng bằng khí EO Quy cách: 100 chiếc/ hộp	Hộp	31
142	Kim mở miệng		Banh miệng dài 13CM	Chiếc	5
143	Kim luồn 20G	100 chiếc/hộp	Catheter bằng chất liệu FEP/ETFE, có 2-3 cân quang BASO4. Mũi kim sắc bén, bằng thép không gỉ của Nhật Bản, tráng silicon tránh vỡ thành mạch, dễ lấy ven và giảm đau TCCL: ISO 13485, CE. Tiết trùng bằng khí EO gas. 20G; Ø (1,1 x 32)mm; 61ml/ phút	Chiếc	100
144	Kim luồn 22G	100 chiếc/hộp	Catheter bằng chất liệu FEP/ETFE, có 2-3 cân quang BASO4. Mũi kim sắc bén, bằng thép không gỉ của Nhật Bản, tráng silicon tránh vỡ thành mạch, dễ lấy ven và giảm đau TCCL: ISO 13485, CE. Tiết trùng bằng khí EO gas. 22G; Ø (0,9 x 25)mm; 36ml/ phút	Chiếc	100
145	Kim luồn số 14	100 chiếc/hộp	Catheter bằng chất liệu FEP/ETFE, có 3 đường cân quang BASO4 Mũi kim sắc bén, bằng thép không gỉ của Nhật Bản, tráng silicon tránh vỡ thành mạch, dễ lấy ven và giảm đau TCCL: ISO 13485, CE. Tiết trùng bằng khí EO gas. 14G; Ø (2,1 x 45)mm; 280ml/ phút	Chiếc	100

146	Kim lùn số 18	100 chiếc/hộp	Catheter bằng chất liệu FEP/ETFE, có 2-3 căn quang BASO4. Mùi kim sắc bén, bằng thép không gỉ của Nhật Bản, tráng silicon tránh vỡ thành mạch, dễ lấy ven và giảm đau TCCL: ISO 13485, CE. Tiệt trùng bằng khí EO gas. 18G; Ø (1,3 x 45)mm; 95ml/ phút	Chiếc	200	
147	Kim tê tủy sống		- Kim gây tê tủy sống loại Quincke (3 mắt vít), đạt chuẩn ISO/CE, mặt vít chính 16 ± 1 độ, 2 mặt vít bên 35 ± 4 độ - Kim bằng thép không gỉ SUS 304, không chứa chất gây sốt (pyrogenic) - Cánh (Polypropylene) lớn, có thể tháo rời, hỗ trợ cầm kim chắc hơn - Chuôi kim (Polycarbonate) trong suốt giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra - Dù các size chẵn lẻ từ 16G - 27G. Chiều dài 90mm (3 1/2"). - Tiệt trùng EO	Chiếc	50	
148	Kligler agar	500g/hộp	Môi trường phân biệt Enterobacteriaceae dựa trên quá trình lên men đường đôi và sản xuất Hydrogen sulphide Thành phần (g/l): 'Lab-Lemco' powder 3.0, Yeast extract 3.0, Peptone 20.0, Sodium chloride 5.0, Lactose 10.0, Glucose 1.0, Ferric citrate 0.3, Sodium thiosulphate 0.3, Phenol red 0.05, Agar 12.0 pH 7.4 ± 0.2 tại 25°C Đóng gói: Hộp/500g Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 Quy cách: 500 g/ hộp	Hộp	2	

			<p>Sự hình thành indole (<i>Escherichia coli</i> ATCC 8739 (WDCM 00012)) +          Sự hình thành indole (<i>Escherichia coli</i> ATCC 25922 (WDCM 00013)) +          Sự hình thành indole (<i>Escherichia coli</i> ATCC 11775 (WDCM 00090)) +          Sự hình thành indole (<i>Escherichia coli</i> DSM19683 (WDCM00179)) +          Sự hình thành indole (<i>Enterobacter aerogenes</i> ATCC 13048) -          Sự hình thành indole (<i>Citrobacter freundii</i> ATCC 43864 (WDCM 00006)) -          Sự hình thành indole (<i>Salmonella typhimurium</i> ATCC 14028 (WDCM 00031)) -          Sự hình thành indole (<i>Salmonella enteritidis</i> ATCC 13076 (WDCM 00030)) -          Đã thử nghiệm trong Môi trường nuôi cấy DEV-Tryptophan số hiệu 1.10694 (sau khi ủ trong 24 giờ ± 3 giờ ở nhiệt độ từ 34 °C đến 38 °C, hiệu khí)          Quy cách: 100 ml/ lọ</p>	Lọ	3
150	Khay hạt đậu sâu lòng		Khay quả đậu, 200mm	Chiếc	15
151	Khay men đựng dụng cụ	20x30cm	Chất liệu: Sắt tráng men. Kích thước: 20x30cm	Chiếc	2

			<p>Chất liệu: Vải SMS kháng khuẩn, Vải không dệt, màng lọc kháng khuẩn.</p> <p>-Có các nếp gấp hình chữ V có tác dụng ôm kín khuôn mặt khi đeo</p> <p>-Màu sắc: Trắng.</p> <p>-Thanh nẹp mũi: Kèm bọc nhựa có tác dụng kẹp kín khẩu trang lên sống mũi</p> <p>-Dây đeo: Dây đeo bằng sợi polyester và spandex, độ giãn thun thoải mái. Giúp cho việc đeo, tháo khẩu trang dễ dàng, đảm bảo vệ sinh an toàn khi sử dụng, không gây dị ứng</p> <p>- Đạt theo tiêu chuẩn NIOSH N95: phương pháp thử nghiệm NIOSH TEB-APR-STP-0059 hiệu suất lọc với trở lực không kh</p> <p>+Trở lực hô hấp (mmH2O): Hít vào<math>\leq</math> 25 mmH2O; Thở ra<math>\leq</math> 35 mmH2O.Hiệu lực lọc<math>\geq</math> 95 %</p> <p>-Hiệu quả lọc vi khuẩn (BFE) đạt 99,99% theo tiêu chuẩn EN 14683: 2019</p> <p>-Khả năng kháng tia máu nhân tạo đạt theo tiêu chuẩn ISO 22604:2004</p> <p>-Độ vô khuẩn đạt theo tiêu chuẩn EN 14683:2019</p> <p>Quy cách: 1 chiếc/ gói, 30 chiếc/ hộp</p>	Hộp	1	
152	Khẩu trang chống độc	1 chiếc/ gói, 30 chiếc/ hộp	<p>+ 2 lớp ngoài vải không dệt</p> <p>+ Lớp vi lọc ở giữa (lớp màng lọc khuẩn) có tác dụng ngăn các giọt bắn, lọc bụi, vi khuẩn, đóng vai trò quan trọng nhất. Yêu cầu đối với lớp vi lọc là thấu khí, không thấm nước</p> <p>+ 1 thanh tựa mũi: Bằng nhựa 100% nguyên chất hoặc kèm bọc nhựa</p> <p>+ 2 dây đeo tai: bằng sợi polyester và spandex, độ co giãn tốt.</p> <p>Màu sắc đồng đều, không loang lổ</p> <p>Quy cách: 50 cái/ hộp.</p> <p>Đạt theo tiêu chuẩn TCVN 8389-1:2010</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận đăng ký FDA Hoa Kỳ; CE, GMP; QCVN 01:2017/BCT</p> <p>Quy cách: 50 chiếc/ gói/ hộp</p>	Hộp	43	

154	Khoá ba chạc	50 chiếc/hộp	<p>Chất liệu: Polycarbonate, HDPE, PP chịu áp suất lên tới 60 psi hoặc 4 bar có thể xoay 360 độ. Tiết tung bằng khí EO gas</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoanh giấy V dùng để phân biệt các vi khuẩn Haemophilus</li> <li>- Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ</li> <li>- Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm &lt; 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ</li> <li>- Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul> <p>Quy cách: (5x50 khoanh)/ hộp</p>	Chiếc	50
155	Khoanh giấy V	Hộp (5x50 khoanh)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoanh giấy X dùng để phân biệt nhóm vi khuẩn Haemophilus spp.</li> <li>- Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ</li> <li>- Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm &lt; 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ</li> <li>- Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul> <p>Quy cách: (5x50 khoanh)/ hộp</p>	Hộp	2
156	Khoanh giấy X	Hộp (5x50 khoanh)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoanh giấy X+V dùng để phân biệt các vi khuẩn Haemophilus</li> <li>- Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ</li> <li>- Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm &lt; 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ</li> <li>- Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul> <p>Quy cách: (5x50 khoanh)/ hộp</p>	Hộp	2
157	Khoanh giấy XV	Hộp (5x50 khoanh)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoanh giấy X+V dùng để phân biệt các vi khuẩn Haemophilus</li> <li>- Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ</li> <li>- Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm &lt; 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ</li> <li>- Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul> <p>Quy cách: (5x50 khoanh)/ hộp</p>	Hộp	2
158	Khớp nối nội khí quản( sâu máy thở )	Túi 01 chiếc	Sản phẩm được làm bằng nhựa y tế với các đầu nối tiêu chuẩn: 15M, 15F, 22F, có thể co giãn, chiều dài khi dẫn: 15-17cm	Chiếc	5

159	Lam kính có nhám	72 chiếc/ hộp	Kích thước: 25.4 x 76.2mm Độ dày: 1-1.2mm Quy cách: 72 chiếc/ hộp	Hộp	200	
160	Lam kính có nhám	50 chiếc/ hộp	Chất liệu thủy tinh. Kích thước: xấp xỉ. 76x26mm Độ dày: xấp xỉ. 1 mm (tổng $\pm 0,05$ mm). Lam kính hiện vi mờ: với diện tích đánh dấu mờ vượt xấp xỉ. 20 mm Quy cách: 50 chiếc/ hộp	Hộp	5	
161	Lam mẫu bảo nang Entamoeba coli	Lam	Kích thước: 76x25mm. Bên trên có chứa bảo nang E.Coli	Lam	20	
162	Lam mẫu bảo nang Entamoeba histolytica	Lam	Kích thước: 76x25mm. Bên trên có chứa bảo nang Amip Entamoeba histolytica	Lam	20	
163	Lam mẫu bảo nang Giardia lamblia	Lam	Kích thước: 76x25mm. Bên trên có chứa bảo nang Giardia lamblia	Lam	20	
164	Lam mẫu giun móc	Lam	Kích thước: 76x25mm. Bên trên có chứa bảo nang Ancylostoma sp	Lam	20	
165	Lam mẫu P.falciparum	Lam	Kích thước: 76x25mm. Bên trên có chứa bảo nang Plasmodium Falciparum	Lam	20	
166	Lam mẫu P.vivax	Lam	Kích thước: 76x25mm. Bên trên có chứa bảo nang Plasmodium vivaxi	Lam	20	
167	Lam men 22x22 mm	100 chiếc/hộp	Chất liệu làm bằng thủy tinh trong suốt Boro, tiêu bản có kích thước 22x22 Quy cách: 100 chiếc/ hộp	Hộp	10	
168	Levofloxacin	Hộp (5x50 khoan)	- Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoan giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Ampicillin/Sulbactam có nồng độ 20 $\mu$ g Levofloxacin có nồng độ 5 $\mu$ g - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 Quy cách: (5x50 khoan)/hộp	Hộp	1	
169	Lọ thủy tinh màu nâu có công tơ hút	V=125ml	Được cấu tạo bằng thủy tinh nâu dùng cho những mẫu tránh ánh sáng, có khả năng kháng hóa chất và khả năng chịu nhiệt độ cao. Thể tích: 125 ml	Lọ	10	



170	Lọ thủy tinh màu trắng có công tơ hút	V=125ml	Được cấu tạo bằng thủy tinh trong suốt để dàng quan sát mẫu, có khả năng kháng hóa chất và khả năng chịu nhiệt độ cao. Thể tích: 125 ml	Lọ	10
171	Macconkey agar	500g/hộp	Một môi trường chọn lọc phân biệt đặc biệt giữa coliforms và các vi khuẩn không lên men lactose với sự ức chế của vi khuẩn Gram dương. Môi trường dạng bột mịn, màu rom Thành phần (g/l): Peptone 20.0, Lactose 10.0, Bile salts No.3 1.5, Sodium chloride 5.0, Neutral red 0.03, Crystal violet 0.001, Agar 15.0 pH: 7.1 ±0.2 tại 25°C Bảo quản: 10-30°C - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 Quy cách: 500 g/ hộp	Hộp	3
172	Mannitol salt agar	500g/hộp	Môi trường chọn lọc nhằm phân lập các tác nhân staphylococci gây bệnh. Hầu hết các vi khuẩn khác bị ức chế, ngoại trừ một số loại ưa mặn. Môi trường dạng bột mịn, màu hồng rom Thành phần (g/l): Lab-Lemco' powder 1.0, Peptone 10.0, Mannitol 10.0, Sodium chloride 75.0, Phenol red 0.025, Agar 15.0 pH: 7.5 ± 0.2 tại 25°C Bảo quản: 10-30°C - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 Quy cách: 500 g/ hộp	Hộp	1
173	Màng lọc 0,2 µl	Cellulose Nitrate Filter (11406—47----CAN)	Màng lọc Cellulose nitrate, lỗ lọc 0.20µm, Ø47mm, màng trắng kẻ sọc đen, đã tiệt trùng, 100 tờ/ hộp	Hộp	2
174	Màng lọc 0,45 µl	Cellulose Nitrate Filter (11406—47----CAN)	Màng lọc Cellulose nitrate, lỗ lọc 0.45µm, Ø47mm, màng trắng kẻ sọc đen, đã tiệt trùng, 100 tờ/ hộp	Hộp	8
175	Mask thở oxy trẻ em	1 chiếc/ túi	Mặt nạ oxy được thiết kế cho liệu pháp oxy, làm bằng nhựa PVC y tế, không độc, không latex, trong suốt. Kẹp mũi có thể điều chỉnh. Chiều dài dây nối oxy 2m. Đóng gói riêng từng chiếc.	Chiếc	10

176	Máy đo cường độ ánh sáng		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Fc: 99,99Fc, 999,9Fc, 9999Fc, 40.000Fc</li> <li>+ Độ phân giải: 0,01Fc</li> <li>+ Độ chính xác: ± 3%</li> <li>- Lux: 999.9Lux, 9999Lux, 99,990Lux, 400.000Lux</li> <li>+ Độ phân giải: 0.1Lux</li> <li>+ Độ chính xác: ± 3%</li> </ul>	Chiếc	1	
177	Máy đo độ ồn		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phạm vi: 35dB đến 130dB</li> <li>- Độ chính xác: ± 1dB @ 1KHz</li> <li>- Độ phân giải: 0.1dB</li> <li>- Có trọng lượng: A &amp; C</li> <li>- Thời gian hồi đáp: Nhanh / chậm</li> <li>- Microphone: 12,7mm</li> </ul>	Chiếc	1	
178	Máy đo và tập cơ hô hấp IMT/PEP	Hộp/chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ áp lực IMT: 10 ~ 40 cm H2O (Bộ điều khiển áp suất: 2 cm H2O)</li> <li>- Bộ áp lực PEP: 5 ~ 20 cm H2O (Bộ điều khiển áp suất: 1 cm H2O)</li> <li>- Cài đặt áp suất IMT: MIP (Maximal inspiratory pressure - áp suất hít tối đa) 30% và nhiều hơn yêu cầu</li> <li>- Dung sai: 2 cm H2O hay 5%</li> </ul>	Chiếc	2	
179	Mặt nạ xông cho người lớn dùng cho máy khí dung siêu âm	1 chiếc/ túi	<p>Mặt nạ khí dung làm bằng nhựa PVC y tế, kẹp mũi có thể điều chỉnh. Dây chống xoắn 2m, màu sắc trong suốt. Đóng gói riêng từng chiếc</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Độ tinh khiết (GC) ≥ 99,9 %</li> <li>Đặc tính (IR) tuân thủ</li> <li>Vệ ngoài trong suốt</li> <li>Màu sắc ≤ 10 Hazen</li> <li>Độ hòa tan trong nước tuân thủ</li> <li>Độ axit ≤ 0,0002 meq/g</li> <li>Độ kiềm ≤ 0,0002 meq/g</li> <li>Mật độ (d 20 °C/20 °C) 0,791 - 0,793</li> <li>Điểm sôi 64 - 65 °C</li> <li>Benzen (tạp chất A) (GC) ≤ 2 ppm</li> </ul> <p>Quy cách: 1 lít/ chai</p>	Chiếc	10	
180	Methanol	1 Lít/ Chai (>98%)		Chai	1	

181	Microsheild 4%	500 ml/Chai	Chlohexidine digluconate 4 % (w/w) vừa đủ 100%, chế phẩm có hiệu lực diệt 99.99% các vi sinh vật trên sau 30 giây và 03 phút tiếp xúc Quy cách: 500 ml/ chai	Chai	10
182	Miếng dán điện cực Monitor	30 chiếc/ túi	KT: 50mm, dạng hình tròn Bề mặt tiếp xúc: dạng Gel AQUA-TAC, tiếp xúc ổn định, chất lượng truyền tín hiệu cao. - Đầu giác nối với máy: kim loại phủ bạc, truyền tín hiệu chất lượng cao nhất. - Miếng dán: Dạng Foam bèn, dính chặt ổn định, dễ dàng dán vào cũng như tháo ra, không làm ảnh hưởng đến da bệnh nhân. Quy cách: 30 chiếc/ túi	Túi	10
183	Mô vịt		Mô vịt 95x35mm	Chiếc	5
184	Mỡ màng nhũn giáp có rạch da với bộ dụng cụ		*Bộ mỡ khí quản cấp cứu PCK có đủ các dụng cụ để mở khí quản thành công trong trường hợp khẩn cấp, cấp cứu. *Gồm: Dao mổ số 15, Ống mỡ khí quản có bóng - số 6, Kim dò, Đầu nong. Phụ kiện kèm theo: Dây cố định ống mỡ khí quản, Chỉ khâu, Lọc HME. *Kim dò của bộ PCK được cải tiến (đầu linh động, nối với chỉ thị đồ ở chuôi kim thông qua lò xo) để xác định nhanh thành sau khí quản.	Bộ	5
185	MR-VP broth	500g/ hộp	Peptone: 5.000 Gms/Lít HM peptone B #: 3.000 Gms/Lít Bile: 40.000 Gms/Lít Esculin: 1.000 Gms/Lít Ferric citrate: 0.500 Gms/Lít Agar: 15.000 Gms/Lít Quy cách: 500 g/ hộp	Hộp	1
186	Muller Hinton	500g/hộp	Hình thức (độ trong): trong suốt đến nhạt Hình thức (màu sắc): nâu vàng Giá trị pH (25 °C): 7,1 - 7,5 Hành vi đông đặc (2 giờ, 40 °C): chất lỏng Quy cách: 500 g/ hộp	Hộp	3

187	Na <sub>2</sub> CO <sub>3</sub>	500g/lọ	<p>Xét nghiệm (độ axit; tính theo chất khô) ≥ 99,9 %</p> <p>Cl- (Cl) ≤ 0,002 %</p> <p>Phosphate (PO<sub>4</sub>) ≤ 0,001 %</p> <p>Silicat (dưới dạng SiO<sub>2</sub>) ≤ 0,002 %</p> <p>Tổng lưu huỳnh (dưới dạng SO<sub>4</sub>) ≤ 0,005 %</p> <p>Tổng nitơ (N) ≤ 0,001 %</p> <p>Kim loại nặng (dưới dạng Pb) ≤ 0,0005 %</p> <p>Al (Nhôm) ≤ 0,001 %</p> <p>Ca (Canxi) ≤ 0,005 %</p> <p>Fe (Sắt) ≤ 0,0005 %</p> <p>K (Kali) ≤ 0,01 %</p> <p>Mg (Magiê) ≤ 0,0005 %</p> <p>Mất mát khi sấy khô (300 °C) ≤ 1,0%</p> <p>Quy cách: 500 g/lọ</p>	Lọ	1	
188	NaCl tinh khiết (Sodium chloride)	500g/lọ	<p>Xét nghiệm (bạc) ≥ 99,5 %</p> <p>Xét nghiệm (bạc; tính trên chất khô) 99,0 - 100,5 %</p> <p>Đạt thử nghiệm về tính đồng nhất</p> <p>Về ngoài của dung dịch đạt thử nghiệm</p> <p>Độ axit hoặc độ kiềm đạt thử nghiệm</p> <p>Giá trị pH (5 %, nước) 5,0 - 8,0</p> <p>Chất không hòa tan ≤ 0,005 %</p> <p>Bromide (Br) ≤ 0,005 %</p> <p>Clorat và Nitrat (dưới dạng NO<sub>3</sub>) ≤ 0,003 %</p> <p>Hexacyanoferrat II ≤ 0,0001 %</p> <p>Quy cách: 500 g/lọ</p>	Lọ	1	
189	Nẹp cánh tay	chiếc/Túi	<p>Vải dệt kim, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm. Có chức năng cố định 1/3 dưới xương cánh tay, xương cẳng tay và khớp khuỷu.</p>	Chiếc	5	
190	Nẹp cổ cứng hỗ trợ, cố định cột sống cổ	chiếc/Túi	EVA, Khóa Velcro, cố định cột sống cổ	Chiếc	5	
191	Nẹp đệm ngăn	chiếc/Túi	<p>Nẹp được làm từ những chất liệu thoáng mát, dễ thoát mồ hôi, giúp cho người sử dụng có cảm giác thoải mái. Thanh nẹp hợp kim nhôm giúp giữ được tư thế cố định mong muốn. Nẹp đệm được thiết kế giúp cho chân người sử dụng luôn ở vị trí chức năng trong lúc nghỉ ngơi.</p>	Chiếc	5	

192	Newfuchsin	25g/lọ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trọng lượng phân tử: 323.82 g/mol</li> <li>- Trang thái vật lý: rắn</li> <li>- Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc: điểm /khoảng nóng chảy: 268 - 270 °C - dec.</li> <li>- Hệ số phân tán: noctanol/nước: log Pow: -0.21</li> </ul> Quy cách: 25 g/ lọ	Hộp	4
193	Novobiocin	Hộp (5x50 khoan)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoan giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ</li> <li>- Khoanh giấy được tẩm Novobiocin có nồng độ 5 µg</li> <li>- Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm ≤ 2%</li> <li>- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul> Quy cách: (5x50 khoan)/ hộp	Hộp	2
194	Nhiệt kế đo nhiệt độ		Dải đo: 0 - 300 °C	Chiếc	2
195	Optochin	Hộp (5x50 khoan)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoanh giấy Optochin được sử dụng cho phân biệt Streptococcus pneumoniae</li> <li>- Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoan giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ</li> <li>- Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm ≤ 2%</li> <li>- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul> Quy cách: (5x50 khoan)/ hộp	Hộp	2
196	Orange G-6	1000ml/chai	Màu sắc: xanh đến tím đậm Tế bào ưa Cyanophilic (basophilic): xanh lam Tế bào ưa Eosinophilic (acidophilic): hồng Quy cách: 1000 ml/ chai	Chai	1
197	Oxidase strips	Hộp ( 50 ống x0,75ml)	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Thuốc thử dùng trong quy trình định tính phát hiện enzyme oxy hóa cytochrom</li> <li>- Thành phần: N,N,N,N-tetramethyl-1,4-phenylenediamine 10.0 g, Ascorbic Acid 2.0 g, Demineralized Water 1000.0 ml</li> <li>- Đóng gói: (50 ống x 0.75 ml)/ hộp</li> </ul>	Hộp	10
198	Ống chiết soxhlet	Bộ/túi	100ml ( Extractor 100ml + flask 250ml + sinh hàn bóng)	Bộ	5

		<p>Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp xanh dương, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, nắp nhựa LDPE đây kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tới đa từ 6 - 8 giờ. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c...). Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 1ml hoặc 2ml máu với vạch lấy mẫu 1ml hoặc 2ml riêng biệt trên nhãn ống.</p> <p>Có phiếu phân tích chất lượng của cơ quan chức năng kiểm định với nồng độ muối EDTA phải ở trong khoảng từ 1,2 mg đến 2mg EDTA khan trên 1ml máu, và chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút.</p> <p>Quy cách: 100 chiếc/ hộp</p>	Hộp	18	
<p>199 Ống chống đông EDTA</p>	<p>100 chiếc/hộp</p>	<p>Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước 12x75mm, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp nhựa LDPE đây kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. Nắp màu xanh lá cây. Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate 3.8%, hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml máu trên nhãn ống. Có phiếu phân tích chất lượng của cơ quan chức năng kiểm định với nồng độ của dung dịch trisatri citrate dihydrat phải ở trong khoảng từ 0,1mol/l đến 0,136mol/l (tương ứng 2,94% đến 4,0%) và Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút, Dùng xét nghiệm liên quan đến yếu tố đông máu và tốc độ lắng máu.</p> <p>Quy cách: 100 chiếc/ hộp</p>	Hộp	14	
<p>200 Ống chống đông Natri citrat</p>	<p>100 chiếc/hộp</p>				
<p>201 Ống chuẩn H2C2O4 0.1N</p>	<p>Hộp/ống</p>	<p>Nồng độ lượng chất 0,05000 mol/l</p>	Ống	1	
<p>202 Ống chuẩn NaOH 0.1N</p>	<p>Hộp/ống</p>	<p>Nồng độ lượng chất 0.1000 mol/l</p>	Ống	1	
<p>203 Ống chuẩn NaOH 1M</p>	<p>Hộp/ống</p>	<p>Nồng độ lượng chất 1.000 mol/l</p>	Ống	2	
<p>204 Ống chuẩn natri thiosulfat 0,1N</p>	<p>Hộp/ống</p>	<p>Nồng độ lượng chất 0,1000 mol/l</p>	Ống	1	

205	Ống Durham	6x25mm	Chất liệu thủy tinh, trong suốt. Kích thước: 6 x 25 mm	Kg	1
206	Ống eppendorf 0.1ml	125 ống/túi	Ống PCR 8 dài, có nắp phẳng nổi liền, dung tích 0,1ml. Chất liệu nhựa PP. Quy cách đóng gói: 125 ống/túi	Túi	1
207	Ống eppendorf 1.5ml	túi 500 chiếc	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh, dung tích mẫu 1.5ml. Chịu được lực ly tâm 13.000 RPM, nhiệt độ (-196) - 120 độ C (đun sôi được) Quy cách: 500 chiếc/ túi	Túi	2
208	Ống nội khí quản 2 nòng		* Ống nội phế quản 2 nòng - trái, phải các cỡ - Linh kiện: cây dẫn đường (stylet), 4 dây hút đàm có van, bộ co nối: 1 co xoay, 1 co Y, 2 co nối 15mm kèm ống nối. Ống nối vuông góc với thân ống, để tránh xoắn dây máy thở - Chất liệu PVC, nhạy cảm nhiệt, có đường cân quang đậm chạy dọc thân * Cỡ ống 28, 32, 35, 37, 39, 41(Fr) - đường kính bóng khí quản (mm)/đường kính bóng phế quản (mm): - Ống nội phế quản phải: 23/13; 26/13; 27/21; 28/21; 29/21; 31/21. - Ống nội phế quản trái: 23/12; 26/13; 27/18; 28/18; 29/23; 31/23.	Chiếc	5
209	Ống nội khí quản lò xo	Túi/chiếc	Được sản xuất từ nhựa PVC không độc hại, mềm mại và trong suốt. Lò xo giúp ống không bị gấp lại gây tắc nghẽn khi bệnh nhân co lại cổ	Chiếc	5
210	Ống ngưng thay thế cho dụng cụ tập cơ hô hấp IMT/PEP		Lọc vi khuẩn, vi rút, tương thích máy đo chức năng hô hấp có đường kính ngoài 30mm Hiệu quả lọc khuẩn > 99.999% Hiệu quả lọc vi rút >99.99% Khoảng chết thấp: ≤ 45ml Trở kháng dòng thấp: 0.75cm H2O tại 14 lít/giây và 0.66 cmH2O tại 12 lít/giây, Màng lọc tĩnh điện. Vật liệu không chứa latex, không chứa PVC, không DEHP Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CFG do FDA cấp	Chiếc	20
211	Ống ngưng thay thế cho dụng cụ tập thở phế quản		Ống ngưng vật liệu nhựa, đường kính 30mm. Đóng gói tiệt trùng EO, từng cái trong gói PE	Chiếc	20

212	Ông nghe	Spirit CK -601P	<p>Được làm bằng nhựa PVC siêu bền, có khả năng truyền âm tốt, mặt ống nghe được làm bằng kim loại không gỉ, Tai nghe được làm bằng nhựa cao su mềm mại, có kích thước phù hợp với cấu trúc của tai</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Ông nghe 2 mặt bằng thép không gỉ để nghe nhịp tim tần số cao (có màng ngăn) và tần số thấp (chuông). Chức năng chuông có thể thực hiện được bằng cách chỉ cần tháo màng chắn nhỏ.</li> <li>• Ông nghe được làm bằng phương pháp cơ khí chất lượng cao, được phay theo công nghệ CNC từ vật liệu rắn</li> <li>• Trọng lượng mảnh ngực: 95 g</li> <li>• Đường kính mặt màng lớn: 39 mm</li> <li>• Đường kính mặt màng/ chuông nhỏ: 32 mm</li> <li>• Tổng chiều dài: 77 cm</li> <li>• Đặc tính âm thanh tuyệt vời do tỷ lệ khối lượng của mảnh ngực được điều chỉnh hoàn hảo với màng ngăn Vibrason. Có thể đảo ngược, phù hợp với mọi dải tần số</li> </ul>	Chiếc	3	
213	Ông nghe litman trẻ lớn	Hộp 01 chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ông nghe 2 mặt bằng thép không gỉ để nghe nhịp tim tần số cao (có màng ngăn) và tần số thấp (chuông). Chức năng chuông có thể thực hiện được bằng cách chỉ cần tháo màng chắn nhỏ.</li> <li>• Ông nghe được làm bằng phương pháp cơ khí chất lượng cao, được phay theo công nghệ CNC từ vật liệu rắn</li> <li>• Trọng lượng mảnh ngực: 95 g</li> <li>• Đường kính mặt màng lớn: 32 mm</li> <li>• Đường kính mặt màng/ chuông nhỏ: 22 mm</li> <li>• Tổng chiều dài: 77 cm</li> <li>• Đặc tính âm thanh tuyệt vời do tỷ lệ khối lượng của mảnh ngực được điều chỉnh hoàn hảo với màng ngăn Vibrason. Có thể đảo ngược, phù hợp với mọi dải tần số</li> </ul>	Chiếc	1	
214	Ông nghe litman trẻ nhỏ	Hộp 01 chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ông nghe 2 mặt bằng thép không gỉ để nghe nhịp tim tần số cao (có màng ngăn) và tần số thấp (chuông). Chức năng chuông có thể thực hiện được bằng cách chỉ cần tháo màng chắn nhỏ.</li> <li>• Ông nghe được làm bằng phương pháp cơ khí chất lượng cao, được phay theo công nghệ CNC từ vật liệu rắn</li> <li>• Trọng lượng mảnh ngực: 95 g</li> <li>• Đường kính mặt màng lớn: 32 mm</li> <li>• Đường kính mặt màng/ chuông nhỏ: 22 mm</li> <li>• Tổng chiều dài: 77 cm</li> <li>• Đặc tính âm thanh tuyệt vời do tỷ lệ khối lượng của mảnh ngực được điều chỉnh hoàn hảo với màng ngăn Vibrason. Có thể đảo ngược, phù hợp với mọi dải tần số</li> </ul>	Chiếc	1	
215	Ông nghe tim thai	Hộp 01 chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ông nghe Pinarđ bằng nhôm, dài 18CM</li> </ul>	Chiếc	4	
216	Pand đầu rắn	Hộp 01 chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chất liệu thép không gỉ, kích thước 25cm</li> </ul>	Chiếc	5	



217	Parafin oil	1 lít/chai (1071601000)	Mật độ tương đối (d 20/20) 0,827 - 0,890 Độ nhớt động (20 °C) 110 - 230 mPa.s Quy cách: 1 lít/ chai	Chai	1
218	Pipet tự động thể tích 100-1000 µl	V= 100-1000 µl	Micropipet tự động đơn kênh, tiết trùng nhiệt độ: 121°C; thời gian tiết trùng: 15 phút. Dải thể tích từ 100 µl đến 1000 µl	Chiếc	2
219	Plate count agar	500g/hộp	- Thành phần (g/l): Enzymatic Digest of Casein 5.0; Yeast Extract 2.5; Glucose 1.0; Agar 15.0 pH cuối cùng 7.0 ± 0.2 ở 25°C - Môi trường bột mịn, đồng nhất, màu be nhạt. - Bảo quản: 10-30° C - Quy cách: 500g/ hộp	Hộp	3
220	Presept	100 viên/ hộp	Natri Dichloroisocyanurate: 50%. Quy cách: Hộp 100 viên x 2.5 g	Hộp	20
221	PT	10x4ml	Thuốc thử đông khô, kết hợp với yếu tố mô tái tổ hợp ở người và phospholipids tổng hợp (thromboplastin), ion Canxi, phức hợp heparin trung hòa, dung dịch đệm, chất ổn định (BSA: albumin huyết thanh bò). Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 Quy cách: (10x4ml)/ Hộp	Hộp	2
222	Que cấy định mức 10 µl	Túi 25 chiếc	Que cấy 10µl Quy cách: Túi 25 chiếc	Túi	100
223	Que cấy kim loại	chiếc	Dùng trong các thao tác cấy tế bào vi sinh Bề mặt nhẵn bóng. Dùng một lần. Được làm từ gỗ chất lượng cao. Được tiết trùng bằng tia phóng xạ Gamma. Quy cách: Hộp 100 chiếc	Chiếc	20
224	Que lấy mẫu bệnh phẩm	Hộp 100 que	Chiều liệu ống, nắp, bằng nhựa, que bằng gỗ, đầu cotton, chiều dài 175mm. Đóng gói riêng từng chiếc, tiết trùng bằng EO Gas. Được sử dụng để thu thập, lưu trữ, truyền mẫu vật. Được sử dụng rộng rãi trong nha khoa, da liễu, phụ khoa, tiết niệu và các mẫu bệnh phẩm khác Quy cách: 100 chiếc/ túi	Hộp	3
225	Que tăm bông cán cứng tiết trùng	100 chiếc/ 1 túi	Quy cách: 100 chiếc/ túi	Túi	5

226	Que tăm bông cán mềm tiết trùng	100 chiếc/ 1 túi	<p>Chất liệu cán bằng nhựa PP/ABS, đầu bông nylon flocced, chiều dài 150mm, có khắc bẻ ở vị trí 80mm. Đóng gói riêng từng chiếc. Tiết trùng bằng EO Gas. Được sử dụng để lấy dịch hong hầu trong các xét nghiệm tìm virus</p> <p>Quy cách: 100 chiếc/ túi</p> <p>- Que tăm bông được tiết trùng bằng khí E.O, đựng trong mỗi ống nhựa, chiều dài tối đa 18cm</p> <p>- Thân que được làm bằng gỗ, một đầu gắn chặt với nắp ống, 1 đầu cuốn bông</p> <p>- Nắp ống được làm bằng nhựa PP chính phẩm. Nắp màu đỏ</p> <p>- Sản phẩm sử dụng một lần</p> <p>Quy cách: 100 chiếc/ túi</p>	Túi	1	
227	Que tăm bông lấy dịch xét nghiệm	Túi 100 chiếc	<p>- Test thử : Kháng thể đơn dòng kháng hCG-<math>\alpha</math>, Kháng thể đơn dòng kháng hCG-<math>\beta</math>, Kháng thể dẻ kháng IgG chuột, HAUCl<sub>4</sub>, Na<sub>2</sub>HPO<sub>4</sub>, NaH<sub>2</sub>PO<sub>4</sub>, Sucrose, NaCl, Triton-X, PVA-10, PVP-10, Na<sub>2</sub>CO<sub>3</sub>.</p> <p>- Cốc làm từ nhựa nguyên sinh.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015.</p>	Túi	2	
228	Que thử thai nhanh	01 test/hộp	<p>Ngòi quan: Bột màu đỏ đến đỏ tím, cuối cùng có các phần dạng hạt</p> <p>Điểm nóng chảy (phương pháp mao quản, đo nhiệt độ trong khối gia nhiệt): 179 - 182 °C</p> <p>Phạm vi chuyển tiếp: pH 4,4 - pH 6,0 Đỏ - vàng</p> <p>Độ hấp thụ tối đa (pH đệm 4,5): 523 - 526 nm</p> <p>Độ hấp thụ tối đa (pH đệm 6,2): 427 - 437 nm</p> <p>Độ hấp thụ đặc biệt A 1%/1cm (<math>\lambda_{max}</math>: 0,00335 g/l; pH đệm 4,5; tính toán trên các chất khô): 1350 - 1500</p> <p>Độ hấp thụ đặc biệt A 1%/1cm (<math>\lambda_{max}</math>: 0,005 g/l; pH đệm 6,2; tính toán trên chất khan): 700 - 800</p> <p>Quy cách: 25 g/ hộp</p>	Test	50	
229	Red Methyl	25g/ Hộp		Hộp	2	

230	Red Phenol	25g/ Hộp	<p>Phạm vi chuyển tiếp thứ nhất: pH 1,2 - pH 3,0 cam nâu - vàng</p> <p>Phạm vi chuyển tiếp thứ hai: pH 6,5 - pH 8,0 vàng nâu - đỏ tím</p> <p>Độ hấp thụ tối đa <math>\lambda</math> 1 tối đa (pH đệm 1,2): 503 - 506 nm</p> <p>Độ hấp thụ tối đa <math>\lambda</math> 2 tối đa (pH đệm 3,0): 430 - 435 nm</p> <p>Độ hấp thụ tối đa <math>\lambda</math> 3 tối đa (pH đệm 6,5): 430 - 435 nm</p> <p>Độ hấp thụ tối đa <math>\lambda</math> 4 tối đa (pH đệm 8,0): 557 - 560 nm</p> <p>Đặc điểm. Độ hấp thụ A 1%/1cm (<math>\lambda</math> 1 tối đa; 0,005 g/l; pH đệm 1,2; tính toán trên các chất khô): 900 - 1150</p> <p>Đặc điểm. Độ hấp thụ A 1%/1cm (<math>\lambda</math> 2 tối đa; 0,005 g/l; pH đệm 3,0; tính toán trên các chất khô): 550 - 650</p> <p>Độ hấp thụ đặc biệt A 1%/1cm (<math>\lambda</math> 3 tối đa; 0,005 g/l; pH đệm 6,5; tính toán trên các chất khô): 550 - 650</p> <p>Độ hấp thụ đặc biệt A 1%/1cm (<math>\lambda</math> 4 tối đa; 0,005 g/l; pH đệm 8,0; tính toán trên các chất khô): 1000 - 1250</p> <p>Quy cách: 25 g/ hộp</p>	Hộp	2	
231	Salmonella- Shigella agar	500g/hộp	<p>- Môi trường chọn lọc phân biệt dùng để phân lập Salmonella và các chủng Shigella từ bệnh phẩm lâm sàng và thực phẩm</p> <p>- Môi trường dạng bột mịn, màu hồng rom</p> <p>- Thành phần (g/l): 'Lab-Lemco' powder 5, Peptone 5, lactose 10, Bile salts 8.5, Sodium citrate 10, Sodium thiosulphate 8.5, Ferric citrate 1, Brilliant green 0.00033, Neutral red 0.025, agar 15</p> <p>- pH 7.0 <math>\pm</math> 0.2 tại 25°C</p> <p>- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485</p> <p>Quy cách: 500 g/ hộp</p>	Hộp	1	
232	Silicone đặc lấy dấu răng	Hộp 2x 250ml	<p>Cao su đặc Elite HD+ dùng lấy dấu phục hình cố định (mão, cầu...) và phục hình tháo lắp</p> <p>Quy cách: (2x250ml)/ hộp</p>	Hộp	3	
233	Silicone lỏng lấy dấu răng	2 tube/h	<p>Cao su lỏng Elite HD để sử dụng, tỉ lệ trộn ổn định chính xác. Khả năng chống biến dạng cao. Các chi tiết lấy dấu rõ ràng, sắc nét</p>	Tuýp	3	

234	Simmons citrate agar	500g/hộp	<p>Đề phân biệt Enterobacterales dựa vào việc sử dụng citrate. Thành phần bao gồm: Magnesium sulphate 0.2 g/lit, Ammonium dihydrogen phosphate 0.2 g/lit, Tri-sodium citrate 2.5 g/lit, Bromo-thymol blue 0.080 g/lit, Sodium ammonium phosphate 0.8 g/lit, Sodium choloride 5.0 g/lit, Agar 14.0 g/lit, pH cuối: 6.9. Đạt tiêu chuẩn ISO</p> <p>Quy cách: 500 g/ hộp</p>	Hộp	1	
235	Slanets and Bartley agar	500g/hộp	<p>Môi trường để phát hiện enterococci.</p> <p>Quy cách: 500 g/ hộp</p>	Hộp	1	
236	Sonde foley 2 nhánh	10 sợi/hộp	<p>Làm từ cao su tự nhiên, được phủ 1 lớp silicone, có van nhựa hoặc van cao su. Chiều dài 400mm – balloon: 5cc/10cc/30cc</p> <p>Quy cách: 10 chiếc/ hộp</p>	Chiếc	50	
237	Sonde foley 3 nhánh	10 sợi/hộp	<p>* Vật liệu cao su thiên nhiên phủ silicone, không chứa DEHP, độ cứng thích hợp, chống gãy gập. Phểu dây và cứng. Bóng cân đối dung tích lớn giữ cho đầu tip thẳng đảm bảo dòng chảy và cơ vòng tốt ngăn ngừa rò rỉ bàng quang. Van cứng có khoá luer, tự bịt kín để dàng bơm và xả bóng. Trục ống thông chắc chắn để đạt hiệu quả khi chèn.</p> <p>* Mã hóa theo màu theo kích cỡ. Có thể sử dụng lên đến 14 ngày.</p> <p>* Các số từ 16Fr đến 26Fr. Tổng chiều dài 400mm ±10mm. . Thể tích bóng 30-45ml/cc</p> <p>Quy cách: 10 chiếc/ hộp</p>	Chiếc	50	
238	TBX agar	500g/hộp	<p>Thành phần (g/l): Enzymatic Digest of Casein 20.0; Bile Salts No. 3 1.5; X-Glucuronide 0.075; Agar 15.0; pH cuối cùng 7.2 ± 0.2 ở 25°C.</p> <p>- Môi trường tổng hợp dạng bột, đồng nhất, màu be nhạt.</p> <p>- Bảo quản: 10-25°C</p> <p>- Đóng gói: 500g/ hộp</p>	Hộp	1	

239	Test nhanh Aso latex	Hộp 100 test (1x5ml; 1x1ml; 1x1ml)	<p>Xét nghiệm ngưng kết nhanh latex để sàng lọc định tính và định lượng bán định lượng kháng thể kháng streptolysin O (ASO) trong huyết thanh người. Thuốc thử Latex: Huyền phù các hạt latex polystyrene trong dung dịch đệm glycine-saline pH: 8,6 ± 0,1, được phủ streptolysin O. Huyết thanh đối chứng dương tính (chai có nắp màu đỏ): Được điều chế từ nhóm huyết thanh người ổn định chứa hơn 200 IU/ml antistreptolysin O. Cả hai thuốc thử đều chứa 0,9 g/L Natri azide làm chất bảo quản. Huyết thanh đối chứng âm tính (chai có nắp trắng): Thuốc thử chứa 0,9 g/L Na azide làm chất bảo quản. Độ nhạy: 98% - Độ đặc hiệu: 97%</p> <p>Quy cách: Hộp 100 test (1x5ml; 1x1ml; 1x1ml)</p>	Hộp	1
240	Test nhanh HIV 1/2	50 test/hộp	<p>Phát hiện định tính kháng thể kháng virus HIV type 1 và type 2.</p> <p>Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy: 99,8%.</li> <li>- Độ đặc hiệu: 99,5%.</li> <li>- Độ chính xác: 99,65%.</li> <li>- Ngưỡng phát hiện: 2NCU/ml</li> <li>- Độ lặp lại: 100%.</li> <li>- Độ ổn định: 100%</li> </ul> <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016</p>	Test	50
241	Test nhanh viêm gan B	50 test/hộp	<p>Phát hiện định tính kháng nguyên virus viêm gan B.</p> <p>Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy: 99,8%.</li> <li>- Độ đặc hiệu: 99,9%.</li> <li>- Độ chính xác: 99,85%.</li> <li>- Ngưỡng phát hiện: 2ng/ml</li> <li>- Độ lặp lại: 100%.</li> <li>- Độ ổn định: 100%</li> </ul> <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016</p>	Test	50

242	Test nhanh viêm gan C	30 test/1 hộp	<p>Phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C. Không sử dụng dung dịch đệm.</p> <p>Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy: 99,8%.</li> <li>- Độ đặc hiệu: 99,2%.</li> <li>- Độ chính xác : 99.5%.</li> <li>- Nồng độ phát hiện: 2NCCU/ml</li> <li>- Độ lặp lại: 100%.</li> <li>- Độ ổn định: 100%.</li> </ul> <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016</p>	Test	50	
243	Tiêu bản đột biến nhiễm sắc thể người	Hộp 12 tiêu bản	<ol style="list-style-type: none"> <li>1 SP001311 Hộp đựng lame 25 vị trí 10*8.3*3.5cm (Cái) 1</li> <li>2 SP002011 Tiêu bản nhiễm sắc thể người đột biến dị Bội dạng hội chứng Down (Nam) (Cái) 2</li> <li>3 SP002012 Tiêu bản nhiễm sắc thể người đột biến dị Bội dạng hội chứng Down (Nữ) (Cái) 2</li> <li>4 SP002053 Tiêu bản nhiễm sắc thể người bình thường - Nam giới (Cái) 2</li> <li>5 SP002054 Tiêu bản nhiễm sắc thể người bình thường - Nữ giới (Cái) 2</li> <li>6 SP002055 Tiêu bản nhiễm sắc thể người đột biến cấu trúc (Cái) 2</li> <li>7 SP002056 Tiêu bản nhiễm sắc thể người đột biến số lượng (Cái) 2</li> </ol>	Bộ	2	
244	Toluidine blue	25g/lọ	<p>Hàm lượng thuốc nhuộm (Diaminophenothiazin, đo quang phổ) <math>\geq 85\%</math></p> <p>Độ hấp thụ tối đa <math>\lambda_{max}</math>. (nước) 628 - 633 nm</p> <p>Đặc điểm. Độ hấp thụ A 1%/1cm (<math>\lambda_{max}</math>; 0,005 g/l; nước) 1330 - 1570</p> <p>Độ mất khi sấy (110 °C) <math>\leq 8\%</math></p> <p>Quy cách: 25 g /lọ</p>	Lọ	1	

245	Toxocara IgG	96 test/ hộp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xét nghiệm miễn dịch enzyme để xác định kháng thể IgG kháng lại Toxocara trong huyết thanh người bằng phương pháp ELISA.</li> <li>- Độ nhạy 87.5%</li> <li>- Độ đặc hiệu 93.3%</li> <li>- Quy cách: 96 test/ hộp</li> </ul>	Hộp	1	
246	Hoá chất định lượng Fibrinogen trong huyết tương	10 x1 ml	Thành phần: chứa thrombin có nguồn gốc từ bò khoảng 100 IU/ml Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: (10x1ml)/ hộp	Hộp	1	
247	Túi chườm nóng lạnh	túi/chiếc	Túi chườm lạnh là sản phẩm đặc thù để làm chườm lạnh nơi bị chấn thương, giúp giảm đau nhanh. Túi bằng cao su, giữ nhiệt, nắp vận chắc chắn, hạn chế tối đa chảy nước ra ngoài, có hình Oval 1.500cc	Chiếc	10	
248	Túi chườm đa năng chườm nóng	túi/chiếc	Là sản phẩm đa năng có thể chườm lạnh để giảm sốt cho cả trẻ em và người lớn hoặc chườm nóng để sưởi ấm trong mùa đông. Thời gian giữ nhiệt/lạnh lâu, tuyệt đối an toàn khi sử dụng. Nhiệt độ không quá 80 độ C.	Chiếc	10	
249	Túi chườm nóng, lạnh Microlife	túi/chiếc	Được làm bằng vải phủ nhựa, giữ nhiệt, nắp vận chắc chắn, hạn chế tối đa chảy nước ra ngoài.	Chiếc	20	
250	Túi dẫn lưu nước tiểu	20 chiếc/túi	Sản xuất nhựa y tế phù hợp tiêu chuẩn y tế. Van xả thẳng có dây treo hoặc không dây treo. Dung tích: 2000ml	Chiếc	30	
251	Túi hấp diệt trùng PE biohazard	Túi/1kg	Màu sắc: Màu trắng, màu vàng, màu xanh, màu đen. Có in logo riêng của từng màu theo quy định. Có vạch giới hạn “Không được đựng quá vạch này” Quy cách: túi 1kg	Kg	5	
252	Thạch cao Trắng	Gói 5kg	Thạch cao trắng là vật liệu dùng để lấy dấu , lấy ni ( lấy mẫu ban đầu) của hàm , răng Quy cách: 5kg/ gói	Gói	6	
253	Thạch cao vàng Planet	Gói 1kg	Thạch cao vàng. Dùng để để răng dùng trong nha khoa Quy cách: 1kg/ gói	Gói	6	
254	Thìa thủy tinh		Có cánh tay hình ống mở. Thích hợp để sử dụng khi cần một lượng nhỏ thuốc nhuộm hoặc bột. Được làm bằng Boro 3.3	Chiếc	20	
255	Thuốc thử Schiff	500ml/lọ	pH value: 2.1 - 2.5 (H <sub>2</sub> O, 25 °C) Quy cách: 500 ml/ lọ	Lọ	1	

256	Thuốc đo Baudelocque	Thuốc đo khung xương châu	Chất liệu thép không gỉ, dài 34cm	Chiếc	5	
257	Thuốc đo vận động khớp	chiếc/túi	Chất liệu: Thép không gỉ. Kích thước: Chiều dài 36cm, gồm 2 nhánh, 1 nhánh cổ định và 1 nhánh di động. Dùng để đánh giá chức năng vận động của khớp.	Chiếc	10	
258	Urea Indole Medium	500g/Hộp	- L- Tryptophan: 3.000 Gms/Lít - Natri clorua: 5.000 Gms/Lít - Kali photphat, monobasic: 1.000 Gms/Lít - Kali photphat, dibasic: 1.000 Gms/Lít - Urea: 20.000 Gms/Lít - Phenol đỏ: 0.012 Gms/Lít - Final PH ( at 25°C): 6.8±0.2 Quy cách: 500 g/ hộp	Hộp	1	
259	Uti agar	500g/hộp	Brilliance™ UTI Agar (dạng Chromogenic UTI Agar ) là môi trường nuôi cấy tạo màu để định danh sơ bộ và phân biệt/ xác định tất cả vi sinh vật chính gây ra nhiễm trùng đường tiết niệu (UTIs). Thành phần chromogenic có chứa 2 chất tạo màu X-Gluc và Red-Gal tạo màu rõ ràng. Môi trường dạng bột Thành phần (g/l): Peptone 15.0, Chromogenic mix 26.3, Agar 15.0 PH: 6.8 ± 0.2 tại 25°C Bảo quản: 10-30°C Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 Quy cách: 500 g/ hộp	Hộp	1	
260	Xanh alcian	25gr/lọ	Bột màu xanh đậm, hàm lượng thuốc nhuộm ≥ 50% Quy cách: 25 gr/ lọ	Lọ	2	
261	Xanh methylen	100g/lọ	Ngoại quan Bột màu xanh lục sẫm, cuối cùng có các phần dạng hạt và sáng. Độ hấp thụ tối đa $\lambda_{max}$ . (ethanol 50%) 660 - 665 nm Đặc điểm. Độ hấp thụ A 1%/1cm ( $\lambda_{max}$ ; 0,003 g/l; ethanol 50%) 2250 - 2750 Độ mất khi sấy (110°C) 10 - 15% Quy cách: 100 g/lọ	Lọ	1	



262	Xe cáng đẩy người bệnh inox có kèm đệm	Bọc 01 chiếc	<p>1. Cấu hình đồng bộ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xe chính: 01 cái</li> <li>- Mặt cáng: 01 cái</li> <li>- Cọc truyền: 01 cái</li> <li>- Lan can: 02 bộ</li> <li>- Đệm nút: 01 cái</li> <li>- Bánh xe: 01 bộ</li> </ul> <p>2. Đặc tính kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Toàn bộ bằng inox SUS 201</li> <li>- Khung trên làm bằng hộp 20x40x1mm, viền nẹp nhựa chống va đập.</li> <li>- Lan can làm bằng ống <math>\varnothing</math> 22x1mm và nan ống <math>\varnothing</math> 15,9x1; dẫn hướng bằng ống <math>\varnothing</math> 31,8x1,2mm.</li> <li>- Khung dưới làm bằng hộp 30x60x1mm và hộp 20x40x1.2mm; khay để đồ bằng inox tấm dày 0,8mm</li> <li>- Mặt cáng khung bằng inox <math>\varnothing</math> 25.4x1mm, bọc inox tấm dày 0,8mm.</li> <li>- Cọc truyền dịch làm bằng inox <math>\varnothing</math> 19x1mm và <math>\varnothing</math> 15.9x0.8mm; móc treo dịch truyền bằng inox dây <math>\varnothing</math> 4mm</li> <li>- Đệm nút bọc vải giả da dày 50mm.</li> <li>- Bánh xe cao su đặc <math>\varnothing</math> 150.</li> </ul>	Chiếc	4
-----	--	--------------	--	-------	---

			<p>1. Cấu hình đồng bộ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Xe cùng phụ kiện: 01 cái</li> <li>- Bánh xe chịu tải: 02 cái</li> <li>- Bánh xe dẫn hướng: 02 cái</li> </ul> <p>2. Đặc tính kỹ thuật:</p> <p>Toàn bộ bằng thép không gỉ, không nhiễm từ SUS201 trừ bánh xe.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khung chính: inox ống <math>\varnothing 25.4 \times 1,2</math>mm</li> <li>- Thanh chống: inox ống <math>\varnothing 22 \times 1</math>mm</li> <li>- Thanh giằng, tấm đế, tấm đỡ tựa chai: inox tấm dày 3-4mm.</li> <li>- U nâng thanh giằng: inox đặc <math>\varnothing 8</math>mm.</li> <li>- Xích có định bình oxy: inox đặc <math>\varnothing 4</math>mm.</li> <li>- Trục bánh xe chịu tải: thép đặc <math>\varnothing 22</math>mm, được bọc bảo vệ bên ngoài bằng inox ống <math>\varnothing 25,4 \times 1</math>mm.</li> <li>- Hai bánh xe chịu tải bằng cao su đặc <math>\varnothing 200</math>mm, vành thép sơn tĩnh điện, mỗi bánh bao gồm 2 vòng bi.</li> <li>- Hai bánh xe dẫn hướng bằng cao su đặc <math>\varnothing 100</math>mm, càng thép mạ.</li> </ul>				
263	Xe đẩy bình oxy	Bọc 01 chiếc		Chiếc	1		
264	Xe lăn tiêu chuẩn Lucass X75	Thùng 01 chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khung thép sơn tĩnh điện</li> <li>- Chỗ ngồi bằng vải thoáng mát</li> </ul> <p>Xét nghiệm (phức hợp, ZnO tính trên chất đốt cháy) 99,0 - 100,5 %  Xét nghiệm (phức hợp, ZnO) <math>\geq 99,0</math> %  Carbonat và màu của dung dịch đạt yêu cầu  Các chất không tan trong axit sunfuric loãng <math>\leq 0,01</math> %  Cl- (Cl) <math>\leq 0,001</math> %  Nitrat (NO<sub>3</sub>) <math>\leq 0,003</math> %  Hợp chất lưu huỳnh (dưới dạng SO<sub>4</sub>) <math>\leq 0,01</math> %  Quy cách: 500 g/lọ</p>	Chiếc	5		
265	Zinc Oxyde	500 g/Lọ		Lọ	1		
266	$\alpha$ - naphthol	250g/lọ	<p>Phép thử (GC, điện tích%) <math>\geq 99,0</math> % (a/a)  Phạm vi nóng chảy (giá trị thấp hơn) <math>\geq 119</math> °C  Phạm vi nóng chảy (giá trị cao hơn) <math>\leq 122</math> °C  Quy cách: 250 g/lọ</p>	Lọ	1		

267	Mô vịt dùng 1 lần	chiếc/túi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt. Gồm hai phần được nối với nhau bởi các khớp và có khóa, dễ dàng điều chỉnh độ mở, giúp cho tầm quan sát rộng.</li> <li>- Độ cứng cao, trơn, nhẵn không gây tổn thương niêm mạc.</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)</li> </ul> Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Chiếc	20	
268	Bộ dụng cụ chụp tử cung vòi trứng dùng 1 lần (HSG Catheter, 5fr)	Bộ/túi	<p>Cateter được cấu tạo chính bằng nhựa y tế, đã được tiệt trùng bằng EO. Chiều dài 40 cm, Kích cỡ trục ống có đường kính 4 mm</p> <p>Đầu ống có bóng chèn thể tích 2ml. Đầu sonde tròn, mềm, tránh tổn thương niêm mạc, cấu trúc với 1 dây mềm ở trục giúp việc bơm dịch, thuốc một cách dễ dàng.</p> <p>Bộ dây phễu chụp ngoài cổ tử cung: mục đích hỗ trợ chụp tử cung vòi trứng và thử nghiệm với màu xanh methylen, bao gồm: Một cốc hình côn trắng trong được gắn với tay cầm hình trụ, nối với ống thông để bơm thuốc hay dịch, Một ống thông gắn ở bên vào cốc để nối với máy hút chân không. Đầu dây có nút dây, phía dưới dây hàn nối với phễu để cố định phễu với cổ tử cung</p>	Bộ	20	
269	Bơm 10 ml	100 Chiếc/Hộp	<p>Cung cấp được cả đầu côn và đầu xoắn, Xy lanh được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh, vạch chia dung tích tối đa 12ml, rõ nét. Pít tông có khóa bê gậy để hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP. Cỡ kim 23G x 1" và 25G x 1", 25G x5/8". Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485; TCVN; CE;</p> <p>Quy cách: 100 chiếc/ hộp</p>	Hộp	1	
270	Bơm kim tiêm vô khuẩn loại 5ml	100 Chiếc/Hộp	<p>Cung cấp được cả đầu côn và đầu xoắn, sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. Vạch chia dung tích tối đa 6ml, rõ nét. Pít tông có khóa bê gậy để hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP. Cỡ kim 23G x 1" và 25G x 1", 25Gx5/8". Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485; TCVN; CE;</p> <p>Quy cách: 100 chiếc/ hộp</p>	Hộp	1	

271	Bom kim tiêm vô khuẩn loại 1ml	100 Chiếc/Hộp	Nhựa y tế nguyên sinh. Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đặt khoảng chết ≤0.03ml. Pít tông có khía bẻ gãy để hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không có chất gây sốt - không DEHP. Cỡ kim 26G x 1/2" và 25G x 1", 25, 25Gx5/8". Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485; TCVN; CE;	Hộp	1	
272	Kim tiêm 18G	100 Chiếc/Hộp	- Kim: được làm bằng thép không gỉ mà Crom hoặc Niken. Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, có nắp chụp bảo vệ. Thân kim nhẵn, tròn đều, có đủ độ cứng cơ khí, không tạp chất bên trong, được phủ Silicone. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế. Đóng gói trong túi riêng, không có độc tố và chất gây sốt, không DEHP. Đạt chứng nhận EN ISO 13485: 2016. Quy cách: 100 chiếc/ hộp	Hộp	1	
273	Bông tiệt trùng có tâm cotton	Hộp 100 miếng	- Cồn: Isopropyl Alcohol 70% - Bông: 100% Cotton - Kích thước: 30mm x 30mm x 2 lớp Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Quy cách: 100 miếng/ hộp	Hộp	2	
274	Băng keo giấy y tế	1.25cm x 10y	Dùng để cố định bông gạc, cố định kim truyền, dán và băng các vết thương. Có thể xé dọc, xé ngang bằng tay rất tiện lợi và dễ sử dụng. Kích thước: 1,25 cm x 5 m	Cuộn	20	
275	Khay chữ nhật, khay inox y tế	13x22x2 cm	Sản phẩm được làm từ inox dày dặn, chắc chắn, bền, đẹp, khay đúc hoàn toàn, kích thước: 13*22*2cm	Chiếc	4	
276	Khay chữ nhật, khay inox y tế	9x18x2 cm	Sản phẩm được làm từ inox dày dặn, chắc chắn, bền, đẹp, khay đúc hoàn toàn, kích thước: 9*18*2cm	Chiếc	4	
277	Thùng đựng rác y tế gắn xe tiêm		Xô đựng chất thải y tế không sắc nhọn loại 6 Lít được dùng trên các xe tiêm, khu vực lấy mẫu bệnh phẩm, khu vực phẫu thuật chuyên khoa, phòng thủ thuật. Thể tích: 5 lít	Chiếc	2	
278	Hộp đựng kim y tế	1.5 lít	Kích thước: 10 x 10 x Cao 19,5cm. Kích thước miệng Φ 9 cm	Hộp	2	

279	Xe đẩy tiêm 2 tầng	túi/chiếc	<p>1. Cấu hình đồng bộ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bàn chính: 01 cái</li> <li>- Bánh xe: 01 bộ</li> </ul> <p>2. Đặc tính kỹ thuật:</p> <p>a. Kích thước (mm): ( DxRxC) 670x450x900mm ±3%</p> <p>b. Kết cấu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước khay: dài, rộng, sâu (645x425x18) mm.</li> <li>- Bàn có 2 tầng khay, các tầng đều có thanh lan can 4 phía cao 50 ± 5mm.</li> <li>- Khay bằng inox tấm được đập liền tấm trên máy thủy lực, bốn góc khay tròn, nhẵn, không có khe, kẽ, được bo tròn, dễ vệ sinh, tiết trùng; khay được hàn liền với khung xe chắc chắn. Chân khay được xử lý ép mép vừa làm tăng cứng vững cho sản phẩm vừa khử ba via cạnh sắc.</li> <li>- Bốn bánh xe ø 100 mm, cang thép, trong đó 2 bánh có phanh</li> <li>- Toàn bộ bề mặt inox được xử lý bề mặt đạt độ sáng bóng.</li> </ul> <p>c. Vật liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Toàn bộ làm bằng inox SUS201.</li> <li>+ Khung chính tay đẩy làm bằng inox □ 25.4 mm</li> <li>+ Lan can làm bằng inox ống Ø 12,7mm</li> <li>+ Mặt bàn làm bằng inox tấm đập liền.</li> <li>+ Bánh xe cao su Ø 100</li> </ul>	Xe	2
280	Hộp đựng dụng cụ cấp cứu chống sốc phản vệ	túi/chiếc	đài 265 mm , rộng 194mm , cao 68 mm.	Hộp	2
281	Phim XQ kỹ thuật số	Hộp 150 tờ	Phim khô laser cỡ 20x25 cm tương thích máy in phim khô laser, hộp 150 tờ, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa 3.3 Quy cách: 150 tờ/ hộp	Hộp	5
282	Phim XQ kỹ thuật số	Hộp 100 tờ	Phim khô laser cỡ 35x43 cm tương thích máy in phim khô laser, hộp 100 tờ, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa 3.3 Quy cách: 100 tờ/ hộp	Hộp	5

283	Đĩa petri phi 9	Hộp 10 chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm từ nhựa PS (polystyrene), được tiệt trùng bằng tia Gamma.</li> <li>Gồm 1 đĩa và 1 nắp đậy, không chia ngăn. Kích thước 90mm x 15mm.</li> <li>- Dùng để đo môi trường nuôi cấy vi sinh vật.</li> <li>- Sản phẩm sử dụng một lần</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>	Chiếc	500	
284	Bao đo huyết áp máy monitor	Túi/chiếc	<p>Cấu hình bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu nối với nắp bảo vệ : 01</li> <li>- Bao đo với ống nối hơi gắn liền : 01</li> <li>- Vỏ bọc vải : 01</li> </ul> <p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bề rộng bao đo: 13 cm</li> <li>- Chu vi thích hợp: từ 23 tới 33 cm</li> <li>- Bao đo và vỏ bọc có thể giặt rửa dễ dàng</li> <li>- Có nắp đậy bảo vệ ống nối hơi</li> <li>- Dùng tương thích với Monitor Nihon Kohden</li> </ul>	Chiếc	10	